

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

PGS. TS. PHẠM VIỆT VƯỢNG

LÍ LUẬN DẠY HỌC ĐẠI HỌC

**Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giảng viên các trường
đại học và cao đẳng**

HÀ NỘI - 2008

CHƯƠNG 1

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

1. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Giáo dục đại học là bậc học cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân của mỗi nước, có vị trí trọng yếu trong đào tạo nguồn nhân lực đạt trình độ cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ quốc gia. Ở Việt Nam giáo dục đại học càng có vị trí quan trọng hơn vì nước ta đang tiến hành quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

1.1. Trình độ đào tạo

Giáo dục đại học Việt Nam là một hệ thống hoàn chỉnh có các trình độ đào tạo sau đây:

1. Trình độ đào tạo cao đẳng thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hay trung cấp chuyên nghiệp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành.

2. Trình độ đào tạo đại học thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo chuyên ngành đào tạo đối với những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ một năm rưỡi đến hai năm học với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành.

3. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện từ một đến hai năm học đối với những người có bằng tốt nghiệp đại học.

4. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học, từ hai đến ba năm học đối với người có bằng thạc sĩ.

1.2. Cơ sở đào tạo đại học

- Theo điều 42 Luật Giáo dục năm 2005, giáo dục đại học Việt Nam có các cơ sở đào tạo:

+ Trường cao đẳng đào tạo trình độ cao đẳng.

+ Trường đại học đào tạo trình độ: cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

+ Viện nghiên cứu khoa học được giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ và phối hợp với các trường đại học đào tạo thạc sĩ.

- Chính phủ chỉ giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho các cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện đáp ứng nhiệm vụ đào tạo:

+ Có đủ số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, có khả năng xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo và đánh giá luận án.

+ Có đủ cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ.

+ Có kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học, công nghệ.

1.3. Mô hình giáo dục đại học Việt Nam

Giáo dục đại học Việt Nam được tổ chức theo mô hình gồm có các đại học quốc gia, các trường đại học trọng điểm, các đại học vùng và các trường đại học, cao đẳng địa phương, do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban Nhân dân các tỉnh trực tiếp quản lý.

Hiện nay ở nước ta có:

+ Hai đại học quốc gia: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Các đại học vùng: Đại học Thái nguyên, Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ,...

+ Các trường đại học trọng điểm: đại học Bách khoa Hà Nội, đại học Kinh tế quốc dân, đại học Nông nghiệp I Hà Nội, đại học Sư phạm Hà Nội, đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, đại học Y Hà Nội,...

+ Các học viện: Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Học viện Quản lý Giáo dục,...

+ Các trường đại học địa phương: Hải Phòng, Tây Bắc, Nam Định, Đồng Tháp, An Giang, Hà Tĩnh, Hồng Đức (Thanh Hoá),...

+ Trong các đại học quốc gia và đại học vùng có các trường đại học thành viên, thí dụ: Đại học Quốc gia Hà Nội có các trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ,...

+ Các trường cao đẳng trung ương như: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương II và III.

+ Các trường cao đẳng của các bộ, ngành, các địa phương như: trường Cao đẳng Nông lâm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật của Bộ Tài chính, Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ thuật Hà Nội,...

Tính đến tháng 4 năm 2008 cả nước có 352 trường cao đẳng, đại học và học viện (sau đây gọi chung là trường đại học), nằm ở các địa phương, vùng, miền trong cả nước.

Các trường đại học Việt Nam được tổ chức thành hệ thống các trường đại học đa ngành như đại học bách khoa, đại học quốc gia,... đơn ngành như đại học thuỷ lợi, đại học kiến trúc..., với đầy đủ các chuyên ngành khoa học cơ bản, sư phạm, văn hoá, nghệ thuật, nông, lâm, ngư nghiệp, y, dược, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ,...

1.4. Loại hình trường đại học

Thực hiện chủ trương xã hội hoá giáo dục, ở nước ta đang phát triển hai loại hình nhà trường đó là trường công lập và trường ngoài công lập. Trường ngoài công lập gồm có: trường dân lập và trường tư thục. Trong 352 trường đại học và cao đẳng hiện nay đã có tới 64 trường ngoài công lập.

Một xu hướng phát triển mới ở Việt Nam là đã và sẽ thành lập các trường đại học trực thuộc các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu khoa học và các đối tác nước ngoài như: trường đại học FPT thuộc Công ty FPT, trường Đại học Anh quốc thuộc tập đoàn giáo dục - đào tạo APOLLO, trường Đại học Việt - Đức...

Như vậy trong lĩnh vực giáo dục đại học sẽ hình thành những yếu tố cạnh tranh, tạo động lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

1.5. Mục tiêu giáo dục đại học

Mục tiêu giáo dục đại học Việt Nam: “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc”. (Luật Giáo dục)

Tùy theo các trình độ đào tạo sẽ có các mục tiêu riêng:

+ Đào tạo trình độ cao đẳng giúp sinh viên có kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành đào tạo.

+ Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

+ Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

+ Đào tạo trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học, công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

1.6. Chức năng của các trường đại học

Các trường đại học có hai chức năng quan trọng là đào tạo và nghiên cứu khoa học:

+ Các trường đại học thực hiện chức năng đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ... với các trình độ đào tạo cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, đồng thời thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc các lĩnh vực chuyên ngành mà nhà trường đào tạo.

+ Các trường đại học còn có chức năng nghiên cứu khoa học, thực hiện các đề tài, dự án khoa học phục vụ cho chiến lược phát triển khoa học - công nghệ quốc gia.

Chính vì nhờ có các thành tựu to lớn trong quá trình nghiên cứu khoa học mà các trường đại học nằm trong danh sách các cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ quốc gia bình đẳng với các viện nghiên cứu khoa học khác.

1.7. Cơ cấu tổ chức trường đại học

Trường đại học có cơ cấu tổ chức bao gồm các bộ phận hợp thành sau đây:

+ Ban giám hiệu:

Ban giám hiệu là cơ quan quản lý cao nhất của nhà trường, gồm hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng.

- Hiệu trưởng trường đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm thông qua quy trình lựa chọn dân chủ trong trường. Hiệu trưởng trường đại học phải là người có phẩm chất công dân, có năng lực chuyên môn, năng lực quản lý giáo dục, có học hàm, học vị và có uy tín trong và ngoài nhà trường.

Hiệu trưởng trường đại học chịu trách nhiệm trước nhà nước quản lý toàn diện các hoạt động chính trị và chuyên môn trong trường và phải đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Các phó hiệu trưởng giúp hiệu trưởng quản lý các nội dung công việc được hiệu trưởng phân công.

+ Theo Quy chế trường đại học, các trường đại học còn có **Hội đồng trường** (hội đồng quản trị đối với các trường dân lập, tư thục) là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục.

Ngoài ra nhà trường còn có các hội đồng khác như hội đồng khoa học và đào tạo, hội đồng thi đua khen thưởng... làm tham mưu cho hiệu trưởng về công tác quản lý nghiên cứu khoa học và đào tạo trong nhà trường.

+ Các phòng, ban chức năng:

Trường đại học có các phòng, ban chức năng làm tham mưu cho hiệu trưởng điều hành các mặt công tác trong nhà trường như: phòng đào tạo, phòng sau đại học, phòng quản lý khoa học, công nghệ, phòng đối ngoại, phòng quản lý sinh viên, phòng tài vụ, phòng quản trị... trong đó các phòng đào tạo và quản lý khoa học có vị trí quan trọng nhất.

+ Các **viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học** có nhiệm vụ thực hiện các đề tài, dự án khoa học của trường, của bộ, ngành.

+ Các **khoa** là nơi tổ chức, quản lý quá trình đào tạo và quản lý sinh viên. Mỗi trường đại học có nhiều khoa, mỗi khoa đào tạo một hoặc nhiều chuyên ngành.

+ Các **cơ sở thực hành**: xưởng, trạm, trại, phòng thí nghiệm, trường, bệnh viện, thư viện... là nơi tổ chức thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học.

+ Các **tổ bộ môn**: là nơi tập hợp các nhà khoa học, các giảng viên giảng dạy các bộ môn khoa học, nghiệp vụ và nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học, hướng dẫn sinh viên, nghiên cứu sinh thực hành chuyên môn và nghiên cứu khoa học...

Tổ bộ môn là đơn vị chuyên môn quan trọng nhất của các trường đại học và của các khoa. Tổ bộ môn mạnh tạo nên sức mạnh của nhà trường, là nhân tố hàng đầu trong đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tạo nên uy tín cho nhà trường.

Trưởng bộ môn, trưởng khoa là các nhà khoa học đầu ngành, có uy tín chuyên môn trong và ngoài nhà trường, là những người định hướng chuyên môn và nghiên cứu khoa học của các chuyên ngành đào tạo. Mỗi tổ bộ môn thường có từ 10 đến 15 giảng viên - nhà khoa học.

2. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.1. Khái niệm đào tạo

Các trường đại học có một chức năng quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học công nghệ quốc gia.

Đào tạo được hiểu là *quá trình tổ chức, triển khai kế hoạch huấn luyện chuyên môn, kỹ thuật cho người học, nhằm giúp họ nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và nghiệp vụ, hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo và thái độ nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu của hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.*

Đào tạo là công việc của các cơ sở đào tạo, cần xác định rõ mục tiêu, trình độ, chương trình nội dung, tính chất, thời gian, quy trình và phương thức tổ chức thực hiện.

Đào tạo chính quy, với quy mô lớn được thực hiện trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp như: trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học... thông qua giảng dạy các chương trình lý thuyết, thực hành chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

Đào tạo cũng có thể được thực hiện tại các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, thông qua kèm cặp, truyền nghề trực tiếp, cách đào tạo này có thể đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, người lao động sau đào tạo có khả năng làm được việc ngay ở các vị trí cần thiết.

Nhiều năm trước đây đào tạo theo lối kèm cặp, truyền nghề đã diễn ra khá phổ biến ở các khu vực lao động thủ công, với các nghề đơn giản, hiện nay hình thức đào tạo công nhân tại chỗ vẫn còn tồn tại trong các cơ sở sản xuất, thậm chí ở cả các khu công nghiệp tập trung do thiếu công nhân kỹ thuật.

Đào tạo ở các trường đại học được tổ chức ở trình độ cao, có nội dung, quy trình, phương thức đào tạo được xây dựng trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tiễn nên đảm bảo được chất lượng đào tạo tốt.

Hiện nay ở các nước phát triển, trong các tập đoàn sản xuất lớn được nhà nước cho phép mở các cơ sở đào tạo nhân lực kỹ thuật gắn trực tiếp với thực hành sản xuất, do vậy chất lượng đào tạo cũng được đảm bảo tốt.

Đến đây ta có thể phân biệt được hai khái niệm: đào tạo và dạy học.

- Đào tạo là hoạt động triển khai kế hoạch huấn luyện nhân lực chuyên môn, kỹ thuật, được thực hiện bằng nhiều con đường, trong đó có con đường quan trọng nhất là thông qua dạy học trong nhà trường.

- Dạy học là quá trình hoạt động tương tác giữa nhà giáo và người học theo một chương trình, bằng các phương pháp sư phạm đặc biệt để đạt được các mục tiêu đã xác định. Dạy học được thực hiện trong nhà trường do đội ngũ các nhà giáo đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm thực hiện (chúng ta sẽ nghiên cứu đầy đủ khái niệm dạy học ở chương sau).

Đào tạo và dạy học là hai khái niệm không đồng nhất, nhưng chúng có quan hệ mật thiết với nhau, quá trình dạy học suy đến cùng là để phục vụ cho mục tiêu đào tạo nhân lực và đào tạo thông qua quá trình dạy học là con đường tối ưu.

2.2. Phương thức đào tạo ở bậc đại học

Giáo dục đại học có hai phương thức đào tạo: chính quy và không chính quy, được phân biệt bởi cách tổ chức đào tạo.

- + Với phương thức đào tạo chính quy, người học được tập trung học tập tại các trường đại học, thời gian học tập toàn phần diễn ra trong toàn khoá học. Phương thức đào tạo chính quy là phương thức đào tạo chủ công ở các trường đại học vì nó đảm bảo được chất lượng đào tạo tốt.

- + Với phương thức đào tạo không chính quy, người học vừa làm, vừa học, học tập bán thời gian. Mục đích của phương thức đào tạo không chính quy là giúp người học có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, để thích ứng trước những phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ và đời sống văn hóa xã hội.

Đào tạo không chính quy gồm có: đào tạo tại chức, chuyên tu, từ xa qua cung cấp tài liệu văn bản, qua hệ thống thông tin đại chúng, hay trực tuyến qua mạng Internet... với các hình thức tổ chức dạy học rất linh hoạt.

Hiện nay phương thức đào tạo không chính quy đang phát triển rất mạnh để tạo cơ hội học tập về chuyên môn nghiệp vụ cho mọi người, để phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật và từ đó hình thành một xã hội học tập. Tuy nhiên đào tạo không chính quy cần có một quy chế quản lý thống nhất và để định hướng đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

2.3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học là văn bản pháp lý “thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học”. (Luật Giáo dục)

Chương trình đào tạo do các trường đại học xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng) với một trình độ đào tạo cụ thể.

Căn cứ vào chương trình đào tạo các trường đại học tổ chức quá trình đào tạo của mình. Chương trình đào tạo là pháp lệnh các trường, các giảng viên phải thực hiện nghiêm túc.

Chương trình đào tạo được cấu trúc từ hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Hệ thống kiến thức giáo dục đại cương gồm có:

- + Các học phần về khoa học xã hội
- + Các học phần về nhân văn và nghệ thuật
- + Khoa học tự nhiên, toán học và môi trường
- + Ngoại ngữ, tin học
- + Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất

Kiến thức giáo dục đại cương là hệ thống kiến thức cần thiết cho mọi công dân Việt Nam ở trình độ đại học, những vấn đề bức xúc của nhân loại và thời đại, những kỹ năng cần thiết và nâng cao: nói, viết ngoại ngữ, sử dụng tin học, kiến thức khoa học cơ bản về tự nhiên và xã hội

Hệ thống kiến thức chuyên nghiệp gồm có:

- + Kiến thức cơ sở
- + Kiến thức ngành, chuyên ngành
- + Kiến thức bổ trợ

Đặc điểm của nội dung dạy học ở đại học có tính hiện đại, tính phát triển, cân đối giữa khoa học cơ bản với kiến thức chuyên ngành, và các khoa học Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa truyền thống, bản sắc văn hóa, dân tộc và những tinh hoa văn hóa của thời đại

Lí luận về phát triển chương trình đào tạo ở đại học cũng luôn phát triển theo đà phát triển của khoa học công nghệ và quá trình nhận thức về chức năng đào tạo ở các trường đại học.

Trong lịch sử phát triển giáo dục đại học có ba cách tiếp cận sau đây:

- + Tiếp cận nội dung:

Với quan niệm dạy học là quá trình truyền thụ nội dung kiến thức.

Chương trình đào tạo là bản phác thảo về nội dung đào tạo, qua đó giảng viên biết mình phải dạy những gì và sinh viên biết mình phải học những gì.

- + Tiếp cận mục tiêu:

Với quan niệm dạy học là con đường để đào tạo ra nhân lực xã hội với những tiêu chuẩn đã xác định.

Chương trình đào tạo là bản kế hoạch đào tạo phản ánh mục tiêu đào tạo, nội dung và phương pháp dạy và học cần thiết để đạt mục tiêu đã đề ra (White, 1995)

- + Tiếp cận phát triển:

Với quan niệm đào tạo là một quá trình còn giáo dục là sự phát triển.

Chương trình đào tạo là một bản thiết kế tổng thể cho hoạt động đào tạo phản ánh toàn bộ nội dung đào tạo, kì vọng người học sau đào tạo, phương pháp đào tạo, phương pháp kiểm tra kết quả học tập và quy trình đào tạo. (Tim Wentling. 1993)

Khung chương trình (Curriculum Framework): là văn bản của nhà nước quy định khối lượng tối thiểu và cơ cấu kiến thức cho các chương trình đào tạo. Khung chương trình xác định sự khác biệt về chương trình tương ứng với các trình độ đào tạo khác nhau.

Cấu trúc của chương trình:

1. Mục tiêu đào tạo
2. Nội dung đào tạo
3. Phương pháp hay quy trình đào tạo
4. Đánh giá kết quả đào tạo

Chương trình khung (Curriculum Standard) là văn bản do nhà nước ban hành cho từng ngành đào tạo cụ thể, trong đó quy định cơ cấu nội dung môn học, thời gian đào tạo, tỉ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học cơ bản và chuyên môn, giữa lí thuyết và thực hành, thực tập. Nó bao gồm khung chương trình cùng với những nội dung cốt lõi, chuẩn mực, tương đối ổn định theo thời gian và bắt buộc phải có trong chương trình đào tạo của tất cả các trường đại học hoặc cao đẳng.

Nội dung đào tạo phải thường xuyên thay đổi trong khi cấu trúc chương trình cần được ổn định tương đối.

Hai quan niệm thiết kế chương trình:

1. Hướng cho người học sớm đi vào chuyên môn hóa theo từng ngành nghề cụ thể.
2. Cung cấp cho người học một nền kiến thức toàn diện nhằm đạt tới mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có trình độ học vấn cao.

Học sâu kiến thức chuyên môn nhưng phạm vi hẹp nó làm yếu khả năng nắm kiến thức mới khi các nội dung cũ đã trở nên lạc hậu

Sau đây là một thí dụ về khung chương trình đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đã công bố:

Ngành đào tạo: Kỹ thuật Nhiệt - Lạnh (Heat Engineering and Refrigeration).

Trình độ đào tạo: Đại học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật Nhiệt - Lạnh trình độ đại học nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng thực hành đại cương, cơ sở và chuyên ngành Nhiệt - Lạnh và luôn được cập nhật về các lĩnh vực liên quan, có khả năng ứng dụng kiến thức được đào tạo vào các hoạt động sản xuất và đời sống, có khả năng được đào tạo thêm để công tác tại các trường đại học và các viện nghiên cứu chuyên ngành Nhiệt - Lạnh.

2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 260 đơn vị học trình (đvht)

Thời gian đào tạo: 5 năm

2.2 Cấu trúc kiến thức của chương trình

(Tính theo số tín chỉ)

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	68	12	80
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	111	69	180
- Kiến thức cơ sở ngành	59		

- Kiến thức ngành	24		
- Thực tập	13		
- Đồ án tốt nghiệp	15		
Tổng khối lượng	179	81	260

3.KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BẮT BUỘC

Danh mục các học phần bắt buộc

T	TÊN NHÓM KIẾN THỨC	KHỐI LƯỢNG (đvht)
	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	68
1	Triết học Mác-Lênin	6
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	5
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	Ngoại ngữ cơ bản	10
7	Giáo dục thể chất	5
8	Giáo dục quốc phòng	165 tiết
9	Đại số	4
0	Giải tích 1	6
1	Giải tích 2	5
2	Vật lí 1	4
3	Vật lí 2	3
4	Hoá học đại cương	3
5	Tin học đại cương	4

KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		59
6 ¹	Kỹ thuật điện	4
7 ¹	Kỹ thuật điện tử	3
8 ¹	Cơ học lí thuyết	4
9 ¹	Cơ học chất lưu	4
0 ²	Sức bền vật liệu	4
1 ²	Nguyên lí máy	3
2 ²	Chi tiết máy	3
3 ²	Nhiệt động kĩ thuật	5
4 ²	Truyền nhiệt	5
5 ²	Đo lường nhiệt	3
6 ²	Kỹ thuật cháy	3
7 ²	Thiết bị trao đổi nhiệt	3
8 ²	Cơ sở lí thuyết điều chỉnh tự động quá trình nhiệt	4
9 ²	Dung sai lắp ghép	2
0 ³	Đồ án chi tiết máy	2
1 ³	Thiết bị điện	2
2 ³	Vật liệu nhiệt-lạnh	2
3 ³	Kỹ thuật môi trường và an toàn	3
KIẾN THỨC NGÀNH		24
4 ³	Lò hơi và mạng nhiệt	4
5 ³	Kỹ thuật sấy	3
6 ³	Kỹ thuật lạnh	3
7 ³	Điều hòa không khí	3
8 ³	Bơm quạt máy nén	3

9	3	Tự động hóa quá trình nhiệt - lạnh	3
0	4	Kinh tế năng lượng	2
1	4	Anh văn chuyên ngành	3
THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP			28
2	4	Thực tập	13
3	4	Đồ án tốt nghiệp	15

2.4. Quy trình đào tạo ở trường đại học

Để triển khai kế hoạch đào tạo, các trường đại học phải thực hiện một quy trình thống nhất, trên cơ sở các quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo, quy chế thi và công nhận tốt nghiệp... do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Quy trình đào tạo ở các trường đại học bao gồm các bước: tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thi kết thúc học phần, thi và công nhận tốt nghiệp.

Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu quy trình đào tạo ở trình độ đại học chính quy, các hệ đào tạo khác như sau đại học và nghiên cứu sinh sẽ được nghiên cứu ở chương trình khác.

2.4.1. Tuyển sinh đại học

Hiện nay hàng năm vào tháng 7- 8 các trường đại học, cao đẳng tiến hành công tác tuyển sinh dưới sự chủ trì của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo phương thức ba chung: Chung đề, chung đợt, chung kết quả, với các khối thi: A, B, C, D.... Một số trường cao đẳng và đại học ngoài công lập chưa có điều kiện tuyển sinh thì lấy kết quả thi của các trường đại học cùng khối thi.

Trong tương lai gần sẽ có những đổi mới về công tác tuyển sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ giao quyền tự chủ rộng rãi hơn cho các trường đại học.

Căn cứ vào kết quả các đợt thi Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điểm sàn để các trường làm căn cứ tuyển sinh. Thí sinh thi đỗ là thí sinh đạt được điểm sàn và đủ điểm xét tuyển của nhà trường.

Điểm sàn là điểm tối thiểu mà các trường được phép xét tuyển sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo cân nhắc mặt bằng chung của các đợt thi trong cả nước. Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi để xác định điểm xét tuyển và ấn định số lượng sinh viên cần tuyển cho mỗi chương trình (hoặc ngành đào tạo). Như vậy mỗi trường có một điểm xét tuyển riêng.

Mỗi thí sinh trong hồ sơ dự thi được đăng ký một số nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên (chương trình hoặc ngành đào tạo), nếu không đạt được nguyện vọng 1 thí sinh có thể xin chuyển sang nguyện vọng 2 hay nguyện vọng 3.

2.4.2. Tổ chức đào tạo đại học

Tổ chức đào tạo là hoạt động triển khai và quản lý chương trình đào tạo cho một khoá học.

Phòng đào tạo của trường đại học là cơ quan tham mưu giúp hiệu trưởng triển khai và quản lý quá trình đào tạo của nhà trường theo một lịch trình được công bố cho toàn khoá học. Ban chủ nhiệm các khoa chịu trách nhiệm triển khai và quản lý quá trình đào tạo của khoa mình theo kế hoạch chung của nhà trường.

Tổ chức đào tạo được thực hiện trên cơ sở các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và dựa trên kế hoạch đào tạo của nhà trường. Phòng đào tạo và ban chủ nhiệm các khoa quản lý quá trình đào tạo và kết quả đào tạo theo các nội dung, nhiệm vụ đã phân cấp, có định kỳ kiểm tra, báo cáo đề xuất với ban giám hiệu điều chỉnh kế hoạch nếu thấy cần thiết.

Tổ chức đào tạo bao gồm các công việc cụ thể như tổ chức cho sinh viên học tập các học phần lí thuyết, thực hành môn học, thực tập chuyên môn, thi học phần, làm đồ án, khoá luận và thi tốt nghiệp.

Ở các trường đại học Việt Nam hiện nay đang chuyển dần từ cách đào tạo theo niên chế sang cách đào tạo theo tín chỉ. Điều khác biệt chủ yếu giữa hai cách tổ chức đào tạo này là sinh viên từ chỗ phải thực hiện đúng kế hoạch chung của nhà trường theo năm học, khoá học sang tự thiết kế kế hoạch học tập riêng cho mình bằng cách tích lũy tín chỉ.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo học phần và theo tín chỉ.

Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, có khối lượng từ 2 đến 5 đơn vị học trình, được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kì.

Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng kiến thức học tập của sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết học lí thuyết; bằng 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận; bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng kiến thức học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết lí thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Mỗi học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ.

Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì cứ 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ. Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực sư phạm, nghệ thuật, kiến trúc, y tế, thể dục - thể thao... nhà trường tổ chức thực tập cuối khoá và làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Thực tập cuối khoá được tổ chức tại các trường phổ thông, các cơ sở văn hoá, xã hội, các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp...tùy theo ngành đào tạo. Thực tập là biện pháp để gắn quá trình đào tạo trong nhà trường với thực tế cuộc sống. Thực tập có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên, là một hình thức tổ chức dạy học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường đại học..

Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được áp dụng cho sinh viên đạt kết quả học tập theo mức quy định của trường. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng.

Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp ở các trường đại học là hình thức tổ chức dạy học quan trọng, nó là một tiêu chí để phân biệt với các trình độ đào tạo khác. Mục tiêu của việc tổ chức làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp là rèn kĩ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên, đây cũng là một biện pháp để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ nội dung của chương trình khoá học.

2.4.3. Thi kết thúc học phần

Ở trường đại học một năm học có hai học kì chính, mỗi học kì chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kì chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một học kì hè để sinh viên có thể học lại các học phần thi không đạt ở các học kì chính và để sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt kết thúc sớm chương trình học tập. Mỗi học kì hè có ít nhất 5 tuần thực học và một tuần thi, kiểm tra.

Đầu mỗi khoá học, nhà trường thông báo công khai về nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình; quy chế đào tạo; nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên. Nhà trường thông báo lịch trình học của từng chương trình trong từng học kì, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, đề cương chi tiết học phần và điều kiện để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.

Trước khi bắt đầu mỗi học kì sinh viên phải đăng ký học các học phần tự chọn, các học phần sẽ học thêm hoặc các học phần chưa định học nằm trong lịch trình học của học kì đó với phòng đào tạo.

Sinh viên có thể chọn cho mình tiến độ học tập phù hợp: học theo tiến độ chậm, học theo tiến độ nhanh, học cùng lúc hai chương trình.

Cuối mỗi học kì nhà trường tổ chức các kì thi, sinh viên được dự thi kết thúc học phần với điều kiện đã hoàn thành các công việc theo quy định cho từng học phần như có đủ điểm kiểm tra của các học trình...

Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

2.4.4. Thi và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây thì được xét tốt nghiệp:

- + Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình, không có học phần nào bị điểm dưới 5.

- + Được xếp loại đạt ở kì thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- + Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao.

Căn cứ vào đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính và xếp hạng theo điểm trung bình chung học tập của toàn khoá học.

Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần, có ghi rõ chuyên ngành đào tạo, hướng chuyên sâu hoặc ngành phụ nếu có.

Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả thi các học phần đã học trong chương trình, nếu có nhu cầu, có thể làm đơn xin chuyển sang học các chương trình khác.

Tóm lại, giáo dục đại học có vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp giáo dục thể hệ trẻ và đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Sản phẩm do các trường đại học đào tạo là lực lượng khoa học, công nghệ nòng cốt của mỗi quốc gia, quyết định sự tăng trưởng, phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Nâng cao năng lực triển khai, quản lí đào tạo và nghiên cứu khoa học cho các trường đại học là biện pháp hữu ích, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho một xã hội phát triển và hội nhập.

CHƯƠNG 2

QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. KHÁI NIỆM VỀ QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Trong chương 1 chúng ta đã phân tích làm rõ hai khái niệm đào tạo và dạy học, ở chương này chúng ta sẽ đi sâu nghiên cứu khái niệm quá trình dạy học.

Trước hết dạy học là một bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể, là con đường ngắn nhất để thực hiện mục đích giáo dục toàn diện đối với thế hệ trẻ (giáo dục phổ thông) và đào tạo nguồn nhân lực xã hội (giáo dục nghề nghiệp).

Nói đến dạy học là nói đến hoạt động dạy và hoạt động học của người dạy và người học trong nhà trường, với mục tiêu giúp người học nắm vững hệ thống kiến thức khoa học, hình thành hệ thống kĩ năng, kĩ xảo và thái độ tích cực đối với xã hội và cuộc sống lao động tương lai.

Nói đến dạy học chúng ta còn nói đến hoạt động trí tuệ diễn ra theo thời gian và được biểu hiện bằng sự phát triển trong nhận thức, trong kinh nghiệm sống và kết quả là sự tiến bộ về đạo đức nhân cách và năng lực hoạt động của chính người học, vì thế dạy học bao giờ cũng là một quá trình.

Từ đây chúng ta sẽ nghiên cứu dạy học với ý nghĩa là một quá trình diễn ra ở các trường đại học.

1.1. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC LÀ HOẠT ĐỘNG TƯƠNG TÁC CỦA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN

Theo quan niệm đơn giản của nhiều người thì dạy học nói chung và dạy học ở bậc đại học nói riêng là hoạt động nghề nghiệp của người giảng viên, mà nhiệm vụ chủ yếu là *truyền đạt kiến thức* cho sinh viên thông qua các bài giảng.

Với quan niệm này, một thời gian dài nhà trường chỉ chú ý đến hoạt động của giảng viên, đến truyền đạt kiến thức mà ít quan tâm đến hoạt động học tập của người sinh viên.

Giảng viên được coi là nhân vật trung tâm của nhà trường, người quyết định tất cả, phương pháp dạy học chủ yếu là thông báo kiến thức, sinh viên thụ động tiếp thu, ghi nhớ và tái hiện.

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên chủ yếu dựa vào số lượng kiến thức mà họ đã ghi nhớ, thông qua các bài thi. Điều đó nói lên sự hạn chế của một quan niệm đã từng làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo ở các trường đại học.

Dưới ánh sáng của khoa học sư phạm hiện đại, khi phân tích quá trình dạy học, ngay cả khi xem xét về mặt hình thức, chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy dạy học là *hoạt động tương tác* giữa hai chủ thể: giảng viên và sinh viên.

Giảng viên làm nhiệm vụ giảng dạy, còn sinh viên có nhiệm vụ học tập, hai hoạt động này được phối hợp chặt chẽ theo một quy trình, một nội dung và hướng tới cùng một mục tiêu đó là làm phát triển trí thông minh và năng lực hoạt động sáng tạo của sinh viên.

Ở trường đại học giảng viên là người tổ chức, hướng dẫn sinh viên học tập, còn sinh viên một mặt tuân thủ sự hướng dẫn của giảng viên, mặt khác bằng khả năng của riêng mình độc lập tìm tòi kiến thức và luyện tập hình thành kỹ năng, kỹ xảo. Sinh viên có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình dạy học, họ quyết định kết quả học tập của bản thân và chính họ thể hiện chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trước hết chúng ta tìm hiểu đặc điểm **hoạt động giảng dạy của giảng viên**:

Giảng viên là *chủ thể* của hoạt động giảng dạy, người nắm vững mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp dạy học, nắm vững quy luật tâm lý nhận thức, thực hành và năng lực học tập của sinh viên để hướng dẫn họ học tập có kết quả.

Giảng viên là người giữ *vai trò chủ đạo* trong tiến trình dạy học, công việc của họ không đơn thuần là truyền đạt kiến thức, mà là thực hiện một hệ thống các hoạt động nối tiếp nhau: từ thiết kế mục tiêu, kế hoạch bài giảng, chuẩn bị phương tiện dạy học, đến việc tổ chức các hoạt động học tập, thực hành của sinh viên và tập thể sinh viên trong lớp, ngoài lớp, theo chương trình nội khoá, ngoại khoá, bằng các phương pháp linh hoạt, nhằm hỗ trợ sinh viên tìm tòi, nắm vững kiến thức và luyện tập vận dụng vào thực tế. Trong quá trình dạy học giảng viên còn thường xuyên kiểm tra, uốn nắn kịp thời các sai sót để đưa sinh viên vào quỹ đạo, giảng viên còn chú ý đến giáo dục ý thức, thái độ, động cơ, hứng thú học tập của họ. Nghĩa là phương pháp giảng dạy của giảng viên là một hệ phương pháp tổng hợp, linh hoạt và sáng tạo.

Với *nguyên tắc phát huy tính tích cực*, tự giác của sinh viên, giảng viên tổ chức các hoạt động học tập đa dạng, để khai thác tiềm năng trí tuệ, kiến thức, kinh nghiệm của họ, dẫn dắt họ tìm tòi, khám phá kiến thức mới và phát triển các kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

Phương pháp giảng dạy của giảng viên về bản chất là phương pháp điều khiển quá trình nhận thức và thực hành của sinh viên theo quy luật nhận thức và quy luật hình thành kỹ năng, kỹ xảo. Giảng viên tổ chức cho sinh viên nghiên cứu, phân tích các tài liệu lý thuyết, quan sát các hiện tượng tự nhiên hay xã hội, thực hiện các thí nghiệm, thực hành, mục đích là để hình thành và phát triển năng lực trí tuệ và năng lực hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.

Toàn bộ hoạt động giảng dạy của người giảng viên đều tập trung vào việc tổ chức các hoạt động đa dạng cho sinh viên, khai thác tối đa tiềm năng của họ, với *mục tiêu* phát triển tối đa các tiềm năng ấy.

Như vậy, sinh viên vừa là đối tượng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình dạy học, đó chính là quan điểm “*dạy học lấy sinh viên làm trung tâm*”, mà mọi giảng viên đều phải thực hiện.

Đặc điểm hoạt động học tập của sinh viên:

Sinh viên là đối tượng giảng dạy của giảng viên, nhưng lại là chủ thể của quá trình học tập. Để có kết quả học tập tốt họ phải có ý thức, phải chủ động, tích cực và sáng tạo trong quá trình học tập. Ba điều kiện để học tập tốt đó là người học phải có nhu cầu học tập, quyết tâm học tập và có phương pháp học tập.

Sinh viên chủ động học tập là người sinh viên tự giác tham gia vào các hoạt động học tập, có mục đích học tập rõ ràng, có động cơ học tập trong sáng, biết xây dựng kế hoạch và kiên trì thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Tích cực học tập là sự tập trung trí tuệ, thể lực và thời gian cho việc học tập. Tính tích cực của sinh viên thể hiện ở hai mặt: chuyên cần và tư duy sâu sắc. Chuyên cần là chăm chỉ, thể hiện nỗ lực cá nhân, biết vượt khó để học tập tốt, bởi vì “sự học như con thuyền ngược dòng, không thể buông tay chèo”. Tư duy sâu sắc là tư duy đi sâu vào bản chất của các vấn đề học tập, không hời hợt, thụ động.

Tính tích cực của sinh viên được hình thành từ nhu cầu nhận thức, từ mong muốn có kết quả học tập tốt, từ sự ý thức về cuộc sống tương lai của bản thân và được khích lệ bằng nghệ thuật sư phạm của giảng viên. Tính tích cực của sinh viên biểu hiện bằng hứng thú, say mê, tập trung chú ý, kiên trì, quyết tâm học tập.

Phương pháp học tập tốt là phương pháp học tập chủ động tìm tòi thông tin, gia công, chế biến thông tin, đi sâu tìm hiểu bản chất các vấn đề học tập, biết phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức và biết tìm cách vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, thực hành.

Chính vì những phân tích trên đòi hỏi người giảng viên phải có trình độ chuyên môn vững vàng, có phương pháp sư phạm tốt để hướng dẫn sinh viên học tập có kết quả. Yêu cầu người sinh viên phải có ý thức về mục đích học tập, phải chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập, mọi sự lơ là, thiếu tập trung, thụ động, hời hợt đều không đem lại kết quả học tập tốt.

1.2. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC VỚI TƯ CÁCH LÀ MỘT HỆ THỐNG

Quá trình dạy học khi xét theo quan điểm hệ thống thì nó không chỉ có giảng viên và sinh viên, mà là một chỉnh thể có cấu trúc gồm nhiều thành tố, mỗi thành tố có vị trí xác định, có chức năng riêng, có mối quan hệ biện chứng với nhau, tạo nên quá trình dạy học tổng thể. Mỗi thành tố của quá trình dạy học vận động theo quy luật riêng và đồng thời tuân theo quy luật vận động chung của toàn hệ thống.

Quá trình dạy học diễn ra trong hệ thống lớn, đó chính là môi trường, dạy học và môi trường có mối quan hệ biện chứng với nhau, quy định nhau và tác động lẫn nhau.

Chất lượng của quá trình dạy học phụ thuộc vào tất cả các thành tố của hệ thống, muốn nâng cao chất lượng dạy học phải chú ý nâng cao chất lượng của từng thành tố.

Chúng ta cần phân tích làm rõ vai trò của các thành tố trong hệ thống quá trình dạy học như sau:

+ **Mục tiêu dạy học:** Quá trình dạy học được bắt đầu từ việc xây dựng mục tiêu dạy học. Mục tiêu dạy học là dự kiến kết quả phải đạt được sau quá trình dạy học, nó là căn cứ để tổ chức các hoạt động dạy học của giảng viên và sinh viên, đồng thời là tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng quá trình học tập của sinh viên.

Mục tiêu dạy học chi phối các thành tố khác của quá trình dạy học, mục tiêu dạy học chỉ dẫn việc thiết kế nội dung, chương trình, lựa chọn phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức dạy học.

Cần phải xác định đúng mục tiêu dạy học, giảng viên, sinh viên phải thấm nhuần và phải thực hiện đầy đủ các mục tiêu (sẽ nghiên cứu kỹ ở phần sau).

+ **Giảng viên và sinh viên** : Quá trình dạy học có hai thành tố đặc biệt quan trọng, quyết định chất lượng dạy và học, đó là giảng viên và sinh viên.

Giảng viên là người giữ vai trò chủ đạo, định hướng, tổ chức quản lí quá trình dạy học. Sinh viên là người giữ vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo trong học tập, sinh viên là người quyết định kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình.

Trong nhà trường cần một đội ngũ giảng viên có phẩm chất và năng lực chuyên môn tốt, cần có một đội ngũ sinh viên có năng lực học tập, có thái độ học tập nghiêm túc. “Dạy tốt, học tốt” là yêu cầu tối cao để đảm bảo chất lượng quá trình dạy học.

+ **Nội dung dạy học**: Quá trình dạy học bao giờ cũng có chương trình nội dung bao gồm nhiều môn học được chọn lọc từ các lĩnh vực khoa học, nghề nghiệp tương ứng để phục vụ cho mục tiêu đào tạo.

Nội dung dạy học được xây dựng theo quan điểm hiện đại, có tính hệ thống, toàn diện, phù hợp với đặc điểm ngành nghề, với khả năng nhận thức của sinh viên, với yêu cầu xã hội thì đó sẽ là cơ sở để tạo nên kết quả dạy học toàn diện và có chất lượng cao.

+ **Phương pháp dạy học**: Phương pháp dạy học là cách dạy của giảng viên và cách học của sinh viên, phương pháp dạy học có vai trò quyết định đối với chất lượng quá trình dạy học.

Phương pháp dạy học là nhân tố thật sự quan trọng, trong công cuộc đổi mới giáo dục đại học hiện nay việc cần phải đổi mới trước hết đó là phương pháp dạy học.

Ở trường đại học giảng viên phải sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của sinh viên. Sinh viên phải chủ động tham gia vào các hoạt động học tập, nghiên cứu, rèn luyện kĩ năng thực hành.

+ **Phương tiện dạy học**: Phương tiện dạy học là công cụ nhận thức, công cụ luyện tập thực hành, nghiên cứu, hỗ trợ rất nhiều cho giảng viên và sinh viên trong dạy và học để đạt được kết quả tốt.

Trong trường đại học cần được trang bị các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại: phòng học đa năng, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, trạm, trại thí nghiệm, thư viện, phòng đọc, mạng Internet, thiết bị nghe nhìn... Phương tiện dạy học hiện đại, đầy đủ, đồng bộ, được khai thác sử dụng hợp lí sẽ góp phần tạo nên chất lượng dạy và học của cả thầy và trò.

+ **Môi trường dạy học**: Quá trình dạy học cần được thực hiện trong một môi trường thuận lợi ở cả hai phương diện vĩ mô và vi mô.

Môi trường vĩ mô là môi trường chính trị xã hội ổn định, kinh tế, văn hoá, khoa học và công nghệ tiên tiến, dân trí cao.

Môi trường vi mô là môi trường văn hoá học đường, nơi có phong trào thi đua học tập sôi nổi, có tập thể sư phạm mẫu mực, sinh viên đoàn kết, nhà trường có cảnh quan văn minh.

Môi trường giáo dục có ảnh hưởng rất lớn đến tâm lí, ý thức của sinh viên trong quá trình học tập và tu dưỡng, vì vậy phải tạo ra một môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường.

Tóm lại, chúng ta nhận thấy quá trình dạy học là một chỉnh thể có tính hệ thống với nhiều thành tố tham gia, để nâng cao chất lượng dạy học cần phải nâng cao chất lượng của các thành tố và phải biết khai thác chúng cho một mục tiêu chung.

1.3. BẢN CHẤT CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Dưới ánh sáng của khoa học sư phạm hiện đại, khi xét về bản chất ta nhận thấy quá trình dạy học là quá trình nhận thức và thực hành độc đáo của sinh viên do giảng viên tổ chức, điều khiển và hướng dẫn theo một chương trình, một mục tiêu xác định.

Quá trình học tập của sinh viên bao gồm hai hoạt động: hoạt động học và hoạt động tập được tiến hành song song.

Hoạt động học là hoạt động nhận thức thế giới, tìm tòi, khám phá nắm vững kiến thức, tích lũy những giá trị văn hoá của nhân loại. Hoạt động tập là hoạt động rèn luyện để hình thành kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp trên cơ sở vận dụng kiến thức đã học, chính thực hành làm biến đổi năng lực trí tuệ và năng lực hoạt động của chính bản thân sinh viên.

Nét độc đáo trong hoạt động học của sinh viên:

Khi xét quá trình học của sinh viên với tư cách là hoạt động nhận thức ta thấy có những nét độc đáo sau đây:

- **Đối tượng học** của sinh viên là những hiện tượng của tự nhiên, xã hội, của kĩ thuật, nghệ thuật... đó cũng chính là những vấn đề mà các nhà khoa học đã nghiên cứu, đã tìm tòi khám phá và tạo ra được một hệ thống kiến thức cho nhân loại, viết tài liệu cho sinh viên học tập.

Như vậy có thể nói hoạt động học của sinh viên chính là hoạt động nhận thức lại nền văn hoá nhân loại.

- **Phương pháp học** của sinh viên về bản chất là phương pháp nhận thức thế giới, thông qua tài liệu giáo khoa, thông qua thí nghiệm, thực hành và nó tuân theo quy luật nhận thức chung của nhân loại. Ở trường đại học phương pháp học của sinh viên tiệm cận với con đường nghiên cứu mà các nhà khoa học đã trải qua.

Nét đặc biệt trong hoạt động nhận thức của sinh viên không phải là tự mò mẫm nghiên cứu mà luôn được giảng viên định hướng, hỗ trợ, uốn nắn kịp thời, giúp họ tránh khỏi những vấp vấp để tiến nhanh đến mục tiêu nhận thức đã xác định.

- **Kết quả học** của sinh viên là những bước phát triển mới trong nhận thức, trong phương pháp tư duy, thể hiện ở chiều rộng và chiều sâu của kiến thức mà họ nắm vững.

Đánh giá kết quả học của sinh viên không đơn thuần là đánh giá khối lượng kiến thức sinh viên đã ghi nhớ, mà cần đánh giá ở các mức độ tiến bộ trong nhận thức, mức độ trưởng thành của hoạt động trí tuệ.

Đến đây ta có thể kết luận: *nét độc đáo trong hoạt động học của sinh viên đó chính là hoạt động nhận thức thế giới thông qua tài liệu giáo khoa, phương pháp học của sinh viên đã tiếp cận với phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học, do các nhà sư phạm hướng dẫn.*

Nét độc đáo trong hoạt động thực hành của sinh viên:

Học đi đôi với hành là nguyên lí giáo dục, rất tiếc không phải lúc nào giảng viên cũng nhận thức đúng và thực hiện đúng nguyên lí này. Một trong những điểm yếu nhất của quá trình dạy học hiện nay là nội dung còn mang nặng tính hàn lâm và phương pháp còn coi nhẹ tính thực hành, vì vậy trong phong trào đổi mới phương pháp dạy học hiện nay, cần nhấn mạnh đến việc tổ chức cho sinh viên luyện tập, thực hành.

Lí luận và thực tế dạy học đã khẳng định: học trong hoạt động (learning by doing) là cách học thông minh nhất và đem lại hiệu quả cao nhất.

Ta dễ dàng nhận thấy:

- Mục đích của hoạt động thực hành là giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, để hình thành kĩ năng, kĩ xảo, phát triển năng lực cá nhân và cũng chính từ đó làm tăng mức độ sâu sắc, bền vững của kiến thức.

- Nội dung thực hành của sinh viên là những vấn đề của các lĩnh vực nghiệp đang được đào tạo, sinh viên được tiếp cận với phương pháp hoạt động nghề nghiệp của nhà chuyên môn.

- Sản phẩm thực hành của sinh viên là các mức độ tự hoàn thiện về kĩ năng, kĩ xảo nghề nghiệp, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, là bước phát triển trong tiếp cận hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.

Như vậy, ta có thể kết luận: nét độc đáo trong hoạt động thực hành của người sinh viên là đã tiếp cận được với nội dung và các phương pháp hành nghề nghiệp thực tế của nhà chuyên môn.

Từ những phân tích trên về những nét độc đáo trong hoạt động học tập của sinh viên ta có thể đi đến kết luận:

Bản chất quá trình dạy học ở đại học là quá trình nhận thức và thực hành độc đáo của sinh viên do giảng viên tổ chức và hướng dẫn, đã tiếp cận được với phương pháp nghiên cứu của các nhà khoa học và phương pháp hành nghề của các nhà chuyên môn, qua đó sinh viên nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và nghiệp vụ, hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp.

2. QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Quá trình dạy học là quá trình vận động có quy luật. Quy luật dạy học là cái tất yếu khách quan của sự phát triển của quá trình dạy học và đào tạo, nắm vững nó và vận dụng vào quá trình thực tiễn sẽ giúp ta nâng cao được chất lượng đào tạo.

Quá trình dạy học diễn ra theo các quy luật sau:

1. Quy luật về tính chế ước của xã hội đối với dạy học và đào tạo. Những biểu hiện của quy luật này là: giảng dạy và dạy học được xây dựng và thực hiện theo yêu cầu của xã hội, trình độ dạy học phản ánh trình độ xã hội, đào tạo ở đại học gắn chặt với trình độ phát triển của khoa học và công nghệ và đời sống xã hội. Kết quả đào tạo phản ánh trình độ phát triển xã hội.

2. Quy luật về sự thống nhất giữa dạy học và giảng dạy nhân cách. Biểu hiện của quy luật này là: dạy học là một con đường để thực hiện mục đích giảng dạy xã hội đối với công dân, mục tiêu đào tạo chuyên gia.

3. Quy luật về sự thống nhất giữa dạy học và phát triển trí tuệ. Biểu hiện của quy luật này là: dạy học bao giờ cũng kéo theo sự phát triển trí tuệ, dạy học đi trước một bước, đón đầu sự phát triển trí tuệ, dạy học hướng dẫn sự phát triển trí thông minh, sáng tạo cho người học.

4. Quy luật về sự thống nhất giữa mục đích, nội dung và phương pháp đào tạo: Biểu hiện rằng: Ba phạm trù này gắn bó với nhau không thể tách rời, cái nọ chi phối và phụ thuộc cái kia. Mục đích dạy học tiên tiến đòi hỏi phải có nội dung và phương pháp dạy học hiện đại; nội dung và phương pháp dạy học được xây dựng trên cơ sở khoa học tiên tiến sẽ làm cho quá trình đạt tới một mục đích giảng dạy lí tưởng ...

5. Quy luật cơ bản của quá trình dạy học là sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy và hoạt động học. Dạy tốt, học tốt tạo thành chất lượng. Khi nào có thầy tốt, có phương pháp dạy tốt, khi nào có trò tốt, có phương pháp nhận thức tốt, khi mà hai hoạt động này thống nhất biện chứng với nhau lúc đó ta sẽ có chất lượng đào tạo thực sự.

3. MỤC TIÊU CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Sau khi phân tích các hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên trong nhà trường, chúng ta nhận thấy quá trình dạy học ở đại học có ba mục tiêu quan trọng sau đây:

2.1. Giúp sinh viên nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và nghề nghiệp

Quá trình dạy học ở đại học được tiến hành trước hết là để giúp sinh viên nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và nghề nghiệp đã được quy định trong chương trình đào tạo.

Ở trường đại học chương trình đào tạo bao gồm các môn học về giáo dục đại cương và giáo dục nghề nghiệp mà sinh viên phải nắm vững.

Theo quan niệm thông thường giản đơn nắm vững kiến thức là hiểu được những gì các tác giả đã viết trong giáo trình, những gì thầy đã giảng trên lớp và được thể hiện bằng bài thi đúng như các tác giả đã trình bày trong tài liệu giáo khoa. Khái niệm nắm vững kiến thức như vậy không còn phù hợp với mục tiêu phát triển trong dạy học hiện đại.

Theo B.S. Bloom nhà nghiên cứu giáo dục người Mỹ, thì kết quả nắm vững kiến thức của sinh viên phải được thể hiện bằng các mức độ nhận thức tăng dần từ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá.

+ Nhận biết là nhớ lại thông tin đã được nghe, được đọc, được quan sát, được trao đổi thảo luận, được tiếp cận trước đó. Kiến thức nhận biết mới chỉ dừng lại ở mức độ tái hiện.

+ Thông hiểu là nắm vững bản chất các vấn đề học tập, nắm vững quy luật vận động của các hiện tượng tự nhiên hay xã hội có trong nội dung các môn học. Kiến thức thông hiểu phải tự diễn đạt được.

+ Vận dụng là khả năng sử dụng những kiến thức, phương pháp đã học để thực hiện các công việc trong thực tế. Kiến thức đã trở thành hành động.

+ Phân tích là khả năng đi sâu vào từng mặt, từng khía cạnh của vấn đề học tập. Kiến thức phân tích đã trở nên sâu sắc.

+ Tổng hợp là gắn kết các kiến thức đã lĩnh hội được thành một hệ thống, với một logic chặt chẽ. Kiến thức tổng hợp thể hiện mức độ chính xác và toàn diện.

+ Đánh giá là mức độ cao nhất của nhận thức, khi biết đánh giá tức là lúc sinh viên đã hiểu sâu kiến thức, có phương pháp tiếp cận nhận thức, tức là đã có đủ kiến thức để lập luận, để khẳng định quan điểm của mình.

Trong quá trình dạy học giảng viên phải giúp sinh viên đạt được tất cả các mức độ nhận thức cần thiết đó.

2.2. Giúp sinh viên hình thành hệ thống kĩ năng, kĩ xảo

Song song với việc tổ chức cho sinh viên học tập nắm vững hệ thống kiến thức khoa học và nghề nghiệp, giảng viên còn cần phải tổ chức cho sinh viên luyện tập vận dụng kiến thức đã học để hình thành kĩ năng, kĩ xảo. Mục tiêu quan trọng của quá trình dạy học ở đại học là để hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

Trong chương trình đào tạo ở bậc đại học, sinh viên được luyện tập nhiều loại kĩ năng:

- + Kĩ năng học tập, tìm tòi thông tin lí thuyết.
- + Kĩ năng học tập hợp tác, tranh luận, thảo luận tập thể.
- + Kĩ năng thực hiện các bài tập môn học.
- + Kĩ năng làm thí nghiệm, thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.
- + Kĩ năng thực hành nghiệp vụ chuyên môn trong xưởng trường, trong thực tế sản xuất.
- + Kĩ năng nghiên cứu khoa học, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

+ Đặc biệt quan trọng đối với quá trình dạy học ở đại học là giúp sinh viên hình thành kĩ năng tư duy độc lập, kĩ năng giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống.

Quá trình hình thành kĩ năng của sinh viên có các mức độ tăng dần từ: làm được theo mẫu, mô tả được hành động, thành thạo, tự động hoá, tạo ra phương pháp mới và đánh giá được các phương pháp đã có.

- + Làm được theo mẫu là trình độ kĩ năng sơ đẳng ban đầu.
- + Mô tả được thao tác hành động là nắm được quy trình, biết thứ tự các thao tác hành động.
- + Thành thạo công việc là trình độ thực hiện công việc một cách chính xác, đúng với các yêu cầu.
- + Tự động hoá là trình độ kĩ xảo, không cần có sự can thiệp của tư duy.
- + Tạo ra phương pháp mới là trình độ sáng tạo, biết cách làm hiệu quả hơn mẫu ban đầu.
- + Mức độ cao nhất của kĩ năng là biết đánh giá các phương pháp hành động đã có, để có thể tìm ra phương pháp tối ưu.

Như vậy, khi dạy sinh viên thực hành không chỉ là dạy cách làm theo quy tắc mà dạy kĩ năng và phương pháp hành động sáng tạo, tìm ra phương án tối ưu để giải quyết các tình huống thực tế.

2.3. Giúp sinh viên hình thành thái độ tích cực với thực tiễn cuộc sống

Mục tiêu thứ ba của quá trình dạy học ở đại học là giúp sinh viên hình thành thái độ tích cực đối với học tập và lao động nghề nghiệp, thực tiễn cuộc sống.

Thái độ là nét đặc trưng tâm lí biểu hiện quan hệ của chủ thể với khách thể, đối với sinh viên đại học khách thể ở đây là vấn đề học tập, là thế giới tự nhiên, cộng đồng xã hội, công việc nghề nghiệp và chính bản thân.

Thái độ tích cực với thế giới tự nhiên là ý thức giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Thái độ tích cực đối với xã hội là ý thức công dân đối với nhà nước và pháp luật, ý thức trong các mối quan hệ đối với bè bạn, đồng nghiệp, biết sống hoà nhập và hợp tác với cộng đồng trên cơ sở các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Thái độ đối với công việc là tinh thần lao động sáng tạo, hăng say, ý thức trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp. Thái độ đối với bản thân là tính trung thực, kỷ luật, khiêm tốn, tự trọng.

Đối với sinh viên đại học điều quan trọng nhất là hình thành thái độ tích cực đối với quá trình học tập và tu dưỡng đạo đức, thể hiện ở tính kỷ luật tự giác trong học tập, nghiêm túc trong thi cử, kính thầy, yêu bạn, đoàn kết tập thể.

Như vậy, mục tiêu hình thành thái độ cho sinh viên về bản chất là mục tiêu giáo dục hình thành những phẩm chất của người công dân, phẩm chất, đạo đức của người lao động sáng tạo.

Thái độ của sinh viên trong quá trình dạy học có nhiều biểu hiện với các mức độ tăng dần từ: tiếp nhận các tác động giáo dục, phản ứng ban đầu, phân tích thang giá trị, lựa chọn phương hướng hành động, tạo lập thói quen hành vi và đánh giá các giá trị văn hoá trong nhận thức và hành vi.

- + Tiếp nhận giáo dục được biểu hiện bằng việc lắng nghe hay thờ ơ trước những tác động của nhà giáo dục.

- + Phản ứng ban đầu là những biểu hiện đồng tình, phân vân hay phản đối trước những tác động giáo dục.

- + Phân tích thang giá trị là biểu hiện sự suy nghĩ nội tâm, đấu tranh trước những mâu thuẫn.

- + Lựa chọn hành động là quyết định làm theo một định hướng.

- + Tạo lập được thói quen hành vi là thái độ đã trở nên sâu sắc và ổn định, biết hành động theo lẽ phải, chân lí.

- + Mức độ cao nhất của thái độ là biết đánh giá các giá trị văn hoá, đạo đức trong nhận thức và hành vi của cá nhân và xã hội.

Tóm lại, quá trình dạy học ở đại học có ba mục tiêu gắn bó chặt chẽ với nhau, có mối quan hệ biện chứng với nhau. Các mục tiêu dạy học cần được diễn đạt cụ thể, có thể định lượng, cần phải được sử dụng làm cơ sở để đánh giá chất lượng đào tạo, đánh giá kết quả học tập của sinh viên ở các nhà trường.

3. LÓGIC VÀ ĐỘNG LỰC CỦA QUÁ TRÌNH DẠY HỌC

Quá trình dạy học là quá trình vận động và phát triển trong trí tuệ, trong nhân cách và trong năng lực nghề nghiệp của người sinh viên, sự vận động này có nguồn gốc từ việc giải quyết các mâu thuẫn cơ bản bên trong của chính người sinh viên và được quy định bởi các nhiệm vụ học tập.

Trong quá trình dạy học ẩn chứa rất nhiều mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa mục tiêu và điều kiện phương tiện để đạt mục tiêu, mâu thuẫn giữa nội dung dạy học hiện đại và phương pháp dạy học chưa đổi mới...

Mâu thuẫn cơ bản, bên trong của người sinh viên chính là mâu thuẫn giữa một bên là nhu cầu nhận thức và bên kia là khả năng nhận thức của họ ở một thời điểm nhất định. Mâu thuẫn này tồn tại trong suốt quá trình học tập, nếu được giải quyết sẽ trở thành động lực thúc đẩy quá trình dạy học phát triển.

Trong xã hội hiện đại khoa học, công nghệ, văn hoá phát triển đem lại cho cuộc sống nhiều đổi thay, cơ sở vật chất đầy đủ, phương tiện kĩ thuật phong phú, tài liệu, sách vở, thông tin đa dạng, mạng Internet được nối đến mọi nơi, tạo rất nhiều thuận lợi cho sinh viên học tập. Điều kiện học tập của sinh viên hôm nay là điều mơ ước của bao nhiêu thế hệ cha ông trước đây, điều kiện đó bây giờ đã thành hiện thực.

Sinh viên đại học đang được học trong các thành phố, đô thị phồn vinh, trong nền kinh tế thị trường đang phát triển, với xu thế hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ đã đem lại cho sinh viên nhiều điều hấp dẫn hơn cả học tập.

Từ đây nảy sinh những biểu hiện tiêu cực, là nỗi trăn trở của nhà trường, giáo giới, phụ huynh, cũng như của cả xã hội, hiện tượng một số sinh viên ham chơi, lười học có chiều hướng phát triển, thái độ học tập chưa tốt, phương pháp học tập thụ động, kiến thức nông cạn, hời hợt...

Thực tế cho thấy quá trình học tập của sinh viên chỉ tiến lên được khi họ ý thức được nhiệm vụ học tập, biết chuyển hoá những yêu cầu của xã hội, của giảng viên, của nội dung chương trình, thành nhu cầu học tập của bản thân và từ đó cố gắng vươn lên để đạt mục tiêu đã xác định.

Không có nhu cầu học tập, không có động cơ học tập, không cố gắng vươn lên, thì không bao giờ có kết quả học tập tốt.

Nhiệm vụ của giảng viên là xuất phát từ yêu cầu của chương trình, nội dung dạy học, bằng phương pháp sư phạm tiên tiến làm chuyển hoá nhận thức của người học và khích lệ họ tăng cường nỗ lực ý chí để đạt được mục tiêu đã xác định.

Người giảng viên phải lưu ý hai điều quan trọng sau đây:

1. Cần thiết kế nội dung chương trình phù hợp với trình độ của sinh viên và cần nâng dần các yêu cầu sư phạm trong suốt tiến trình dạy học để tạo nên sự cố gắng liên tục của sinh viên.

2. Bằng nghệ thuật sư phạm giảng viên chuyển hoá những yêu cầu thành nhu cầu học tập của sinh viên, phải tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sinh viên phấn đấu vươn tới mục tiêu bằng mọi khả năng của họ.

Từ những phân tích trên ta có thể đi đến kết luận: *động lực của quá trình dạy học là việc giải quyết mâu thuẫn nội tại giữa một bên là nhu cầu nhận thức và bên kia là trình độ nhận thức của người sinh viên ở một thời điểm nhất định, giảng viên là người tạo dựng các yêu cầu và bằng nghệ thuật sư phạm tổ chức cho người học tự giải quyết mâu thuẫn đó bằng sự nỗ lực của bản thân.*

3.2. Logic quá trình dạy học

Như ta đã biết, quá trình học tập của sinh viên về bản chất là quá trình nhận thức thế giới khách quan, vì vậy quá trình dạy học chỉ đạt được kết quả khi người giảng viên tuân theo logic của quá trình nhận thức trong tiến trình giảng dạy của mình.

Bên cạnh đó quá trình dạy học bao giờ cũng có nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở logic khoa học của bộ môn, vì thế quá trình dạy học cần phải được tổ chức theo logic khoa học của chương trình đã ấn định.

Như vậy là quá trình dạy học được diễn ra đồng thời theo hai logic: logic nhận thức và logic khoa học, hai logic này không phải là hai hướng phát triển độc lập mà chúng thống nhất biện chứng với nhau, từ đây có thể nói *logic của quá trình dạy học là sự thống nhất biện chứng giữa logic nhận thức và logic khoa học của nội dung dạy học.*

Nắm được điều này giúp giảng viên linh hoạt sử dụng các phương pháp dạy học, vừa phải dựa trên quy luật nhận thức, đồng thời lại phải tuân thủ những yêu cầu của logic khoa học bộ môn.

3.3. Các khâu của quá trình dạy học

Tuân theo logic nhận thức và logic khoa học, bài giảng của giảng viên cần được tổ chức theo các khâu sau đây:

a. Đề xuất và gây ý thức cho sinh viên về các nhiệm vụ học tập

Để thực hiện một bài giảng giảng viên phải khéo léo đề xuất các nhiệm vụ học tập và chuẩn bị cho sinh viên tâm thế học tập.

Có thể bắt đầu bài giảng bằng những thí dụ thực tế, bằng đưa ra các tình huống mâu thuẫn, các hiện tượng khác thường, các sự kiện đột biến, đặt sinh viên vào hoàn cảnh có vấn đề phải tư duy, kích thích tính tò mò, tạo hứng thú, từ đó sinh viên sẽ tích cực tham gia cùng cả lớp khám phá các vấn đề học tập.

b. Tổ chức cho sinh viên nhận thức tài liệu mới

Để giúp sinh viên nắm vững tài liệu mới, trong quá trình dạy học giảng viên phải tổ chức cho sinh viên hoạt động dưới nhiều hình thức khác nhau: nghiên cứu tài liệu lí thuyết qua giáo trình, tài liệu chuyên khảo, quan sát nghiên cứu các hiện tượng của tự nhiên, xã hội, kĩ thuật..., làm các thí nghiệm, thực nghiệm khoa học, tiến hành trao đổi, thảo luận tập thể... qua đó sinh viên nắm vững kiến thức, tự rút ra các kết luận, hình thành các khái niệm, phạm trù, quy tắc khoa học.

c. Hướng dẫn sinh viên hệ thống hoá kiến thức

Sau khi nghiên cứu tài liệu mới, giảng viên cần giúp sinh viên nhìn lại vấn đề học tập một cách tổng thể, phải chính xác hóa những gì đã thu lượm được bằng cách lập bảng phân loại,

bảng so sánh, bằng các sơ đồ, biểu đồ, các graph hoặc bằng cách nhấn mạnh những nội dung trọng tâm, quan trọng...

d. Hướng dẫn sinh viên thực hành vận dụng kiến thức.

Sau khi đã nắm vững kiến thức lí thuyết, giảng viên đưa ra các bài tập để sinh viên luyện tập vận dụng, nhằm hình thành kĩ năng, kĩ xảo, qua đây cũng đồng thời cũng giúp sinh viên hiểu sâu, nắm vững bản chất các vấn đề lí thuyết. Bài học lí thuyết trở nên sâu sắc và có thể vận dụng vào thực tế cuộc sống.

e. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, đồng thời là một phương pháp để thúc đẩy tính tích cực học tập của sinh viên. Đánh giá và tự đánh giá cần được thực hiện thường xuyên trong và sau bài giảng, nhằm xem xét mức độ nắm vững kiến thức và kĩ năng của sinh viên, để từ đó kịp thời điều chỉnh và hoàn thiện phương pháp dạy và học cho có hiệu quả.

Tóm lại, quá trình dạy học cần được diễn ra theo lôgic nhận thức và lôgic của chương trình nội dung dạy học, cần phải tuân thủ một quy trình dạy học hợp lí.

CHƯƠNG 3

NGUYÊN TẮC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1. KHÁI NIỆM NGUYÊN TẮC DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Trong đời sống hàng ngày chúng ta vẫn thường sử dụng những khái niệm như nội quy, quy tắc, nguyên tắc và được hiểu chung là những yêu cầu bắt buộc mà mọi người phải tuân thủ.

Tuy nhiên đây là các khái niệm có khác nhau về nội hàm và về ý nghĩa nên chúng cần phải được phân biệt rõ ràng.

- Nội quy là những quy định nội bộ của một tập thể, cơ quan mà các thành viên trong đó phải có trách nhiệm tuân thủ, thí dụ nội quy lớp học, nội quy cơ quan, trường học...

- Quy tắc được hiểu như những quy trình, quy phạm hoạt động có tính kĩ thuật được rút ra từ các nguyên lí khoa học đã được thực nghiệm, chứng minh, thí dụ quy tắc vật lí, quy tắc toán học...

- Còn nguyên tắc là những luận điểm có tính định hướng, được rút ra từ mục đích công việc, từ những nguyên lí, những quy luật và từ những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. Nguyên tắc có giá trị chỉ dẫn các hoạt động phức tạp khi có đông người tham gia.

Dạy học là một quá trình có tính khoa học, tính kĩ thuật và tính nghệ thuật, vì thế để đảm bảo cho quá trình dạy học đạt tới chất lượng và hiệu quả tốt cũng cần phải có các nguyên tắc dẫn đường.

Từ rất lâu, trong lịch sử nhà trường, các nhà giáo dục đã đề xướng một hệ thống các nguyên tắc dạy học và yêu cầu giảng viên phải tuân theo. Ngày nay trong sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại lại càng phải chú ý nhiều đến các nguyên tắc dạy học như những yêu cầu cao đối với giảng viên và nhà trường trong tổ chức quá trình dạy học và đào tạo.

Chúng ta thống nhất một định nghĩa như sau: *Nguyên tắc dạy học là hệ thống những luận điểm của lí luận dạy học có tính phương pháp luận, có vai trò chỉ dẫn việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và các hình thức tổ chức dạy học, chỉ dẫn quá trình dạy học của giảng viên và sinh viên nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả dạy học.*

Nguyên tắc dạy học là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình dạy học, đảm bảo cho quá trình dạy học đi đúng mục tiêu đã xác định.

Nguyên tắc dạy học ở đại học được xây dựng trên các cơ sở sau đây:

1. Mục tiêu của quá trình dạy học và mục tiêu đào tạo ở trình độ đại học.
2. Các quy luật của quá trình dạy học.

3. Những thành tựu của các lĩnh vực khoa học có liên quan như tâm lý học sư phạm đại học, sinh lý học lứa tuổi...

4. Kinh nghiệm dạy học tiên tiến, những bài học giáo dục thành công.

2. HỆ THỐNG CÁC NGUYÊN TẮC DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Nguyên tắc dạy học ở đại học là một hệ thống nhiều luận điểm, mỗi nguyên tắc nhấn mạnh một khía cạnh của quá trình dạy học, chúng ta sẽ nghiên cứu các nguyên tắc đó.

2.1. Nguyên tắc thống nhất giữa tính khoa học, tính nghiệp vụ và tính giáo dục trong dạy học ở đại học.

Quá trình dạy học ở đại học có chức năng quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo nhu cầu xã hội, ở đây tính khoa học, tính nghiệp vụ và tính giáo dục luôn được đặt lên hàng đầu, đó là một yêu cầu có tính bản chất, khách quan, cần được quán triệt một cách sâu sắc trong toàn bộ các hoạt động của nhà trường và của mọi giảng viên.

+ Đảm bảo *tính khoa học* trong quá trình dạy học ở đại học là một yêu cầu trọng tâm, hàng đầu, để đảm bảo tính khoa học cần phải:

- Thiết kế nội dung dạy học hiện đại, chính xác, cập nhật, phản ánh được những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ thế giới, phù hợp với thực tế cuộc sống ở Việt Nam. Hệ thống tri thức phải được sắp xếp theo một logic phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên, được phân chia thành các học phần, học trình, tín chỉ thuận lợi cho việc học tập của sinh viên.

- Phải sử dụng linh hoạt các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học phát huy được tính tích cực, sáng tạo, tạo được hứng thú học tập cho sinh viên.

- Cần sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại để hỗ trợ cho thầy giảng dạy và trò học tập, thực hành và nghiên cứu khoa học, để nắm vững kiến thức một cách sâu sắc và hình thành hệ thống kỹ năng hoạt động nghề nghiệp...

+ *Tính nghiệp vụ* yêu cầu toàn bộ quá trình dạy học phải định hướng theo mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ cao, trong quá trình tổ chức dạy học nhà trường và giảng viên cần phải tập trung vào:

- Thiết kế nội dung dạy học cân đối giữa giáo dục đại cương và giáo dục nghề nghiệp, cân đối giữa lý thuyết và thực hành.

- Tăng cường sử dụng các phương pháp luyện tập thực hành, thí nghiệm và đa dạng hóa các hình thức thực tập nghiệp vụ.

- Gắn nhà trường với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các cơ quan nghiên cứu văn hóa, khoa học, công nghệ.

+ Nguyên tắc *tính giáo dục* yêu cầu quá trình dạy học phải hướng tới mục tiêu hình thành ý thức công dân và các phẩm chất của người lao động sáng tạo. Nguyên tắc tính giáo dục được thực hiện thông qua:

- Khai thác nội dung các bộ môn khoa học tự nhiên, xã hội, nhân văn, chính trị, pháp luật vào việc giáo dục ý thức công dân, giáo dục phẩm chất người lao động sáng tạo.

- Sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, hứng thú của sinh viên.

- Phải khích lệ sinh viên cố gắng tu dưỡng, rèn luyện trong cuộc sống.

- Phải xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thuận lợi để sinh viên thi đua, hợp tác, tương trợ giúp đỡ nhau học tập và rèn luyện.

Trong quá trình dạy học tính khoa học, tính nghề nghiệp và tính giáo dục không phải là các xu hướng riêng rẽ mà chúng được thể hiện thống nhất biện chứng với nhau, các nhà giáo phải quán triệt đầy đủ ý nghĩa của chúng và thực hiện ngay trong các hoạt động giảng dạy hàng ngày của mình.

2.2. Nguyên tắc thống nhất giữa tính lý luận và tính thực tiễn trong dạy học ở đại học

Nguyên tắc thống nhất giữa tính lý luận và tính thực tiễn trong quá trình dạy học ở đại học yêu cầu nhà trường, giảng viên phải thực hiện đúng nguyên lý giáo dục: lý luận đi đôi với thực tiễn.

+ *Tính lí luận* yêu cầu phải chọn lọc, thiết kế chương trình dạy học những môn học có tính lí luận cao như: lí luận chính trị, lí luận kinh tế, văn hóa, khoa học, nghiệp vụ..., phù hợp với từng chuyên ngành đào tạo.

Các môn khoa học lí luận phải:

- Cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát, có tính phương pháp luận, định hướng tiếp cận khoa học và tiếp cận thực tiễn, định hướng hành động trong cuộc sống nghề nghiệp một cách tự tin.

- Hình thành phương pháp tư duy lí luận, tầm nhìn thế giới bao quát, toàn diện, hệ thống và sâu sắc.

- Định hướng phương pháp giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống một cách sáng tạo, phù hợp với quy luật chung.

+ *Tính thực tiễn* yêu cầu quá trình dạy học phải bám sát cuộc sống, đào tạo phải tuân theo nhu cầu xã hội. Điều đó được thể hiện:

- Nội dung dạy học phản ánh trình độ phát triển của khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội... bài giảng không xa rời thực tiễn, không lạc hậu trước thời cuộc.

- Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học gắn nhà trường với cuộc sống kinh tế, văn hóa, xã hội, nhà trường phải phục vụ các yêu cầu xã hội.

- Thường xuyên tổ chức cho sinh viên thâm nhập thực tế, tham quan, khảo sát các cơ sở sản xuất, cơ quan văn hóa, xã hội, bằng cách hình thức đa dạng và hấp dẫn.

- Ngày nay trong xu hướng đổi mới phương pháp dạy học, yêu cầu giảng viên phải sử dụng phương tiện trực quan làm công cụ nhận thức, công cụ tìm kiếm thông tin, rèn luyện kĩ năng vận dụng tri thức lí luận để nâng cao kết quả học tập. Trong từng bài dạy giảng viên phải sử dụng phương tiện trực quan, nghe, nhìn làm công cụ hỗ trợ.

Tóm lại, tính lí luận và tính thực tiễn luôn thống nhất với nhau trong các hoạt động đào tạo của nhà trường, trong quá trình giảng dạy của giảng viên. Đào tạo ở đại học phải đạt trình độ lí luận cao, nhưng sản phẩm đào tạo - những nhà chuyên môn không được xa rời thực tế cuộc sống.

2.3. Nguyên tắc thống nhất giữa tính lí thuyết và tính thực hành trong dạy học ở đại học

Nguyên tắc thống nhất giữa tính lí thuyết và tính thực hành yêu cầu nhà trường và giảng viên quán triệt nguyên lí giáo dục học đi đôi với hành.

Tính lí thuyết trong dạy học đại học thể hiện:

- Nội dung dạy học phải là hệ thống, kiến thức sâu sắc và toàn diện về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, công nghệ và nghệ thuật.. phù hợp với các chuyên ngành đào tạo.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức khoa học cơ bản và khoa học nghiệp vụ vững chắc giúp sinh viên tiến xa hơn trên con đường học vấn và vững vàng trong hoạt động thực tiễn sau này.

Tính thực hành trong dạy học đại học yêu cầu:

- Cùng với việc trang bị hệ thống kiến thức lí thuyết, sinh viên còn phải được luyện tập thực hành vận dụng lí thuyết để hình thành kĩ năng, kĩ xảo, bởi vì mục đích cuối cùng quá trình dạy học phải được thể hiện bằng năng lực hoạt động nghề nghiệp của sinh viên.

- Hệ thống kĩ năng cần phải rèn luyện bao gồm các kĩ năng học tập, kĩ năng thí nghiệm, thực hành, kĩ năng nghiên cứu khoa học và kĩ năng lao động nghề nghiệp sau đào tạo...

Tóm lại, quá trình thống nhất giữa dạy lí thuyết với dạy thực hành ở đại học làm cho lí thuyết trở nên vững chắc, sinh viên vừa hiểu sâu, vừa biết rộng, vừa biết nói, vừa biết làm. Học lí thuyết tốt để thực hành tốt, “Học để biết, học để làm” đó chính là bản chất của nguyên tắc này.

2.4. Nguyên tắc thống nhất giữa dạy tập thể và cá biệt hóa trong dạy học ở đại học

Quá trình dạy học ở đại học bao giờ cũng được tiến hành trong một lớp học gồm nhiều sinh viên, cùng lứa tuổi, cùng trình độ, đây là hình thức dạy học tập thể đang rất phổ biến và rất hiệu quả hiện nay.

+ *Dạy học tập thể* yêu cầu:

- Giảng viên phải chú ý đến tập thể sinh viên với những yêu cầu, những quy định chung của chương trình, của quy chế đào tạo.
- Sử dụng tập thể như một môi trường và một phương tiện để tổ chức cho sinh viên học tập một cách tích cực.
- Tiến hành các hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, hình thức hội thảo, tranh luận, thảo luận tập thể tạo ra một môi trường đua tranh, sinh viên tương, hợp tác với nhau, cùng động não tạo ra nhiều ý tưởng mới, nhiều phương pháp học tập mới.
- + *Tính cá biệt hóa* trong dạy học ở đại học yêu cầu giảng viên phải chú ý đến từng sinh viên, để phát huy hết tiềm năng trí tuệ của họ.
- Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu giảm thuyết trình, tăng cường tự học, tự nghiên cứu, chuyển từ lối học thụ động nghe, hiểu, ghi nhớ, sang việc tổ chức dạy học tự học, tự nghiên cứu, thực hành, luyện tập “*biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo*”.
- Chú ý đến nhu cầu, hứng thú và khả năng học tập của từng nhóm và từng cá nhân sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên học theo nhịp độ, theo các điều kiện của cá nhân phù hợp.
- Tiến hành phân hoá dạy học bằng cách tổ chức các câu lạc bộ sáng tạo, nhóm yêu thích khoa học, cho sinh viên tham gia các đề tài, dự án khoa học để làm phát triển hết tiềm năng của sinh viên.

Tóm lại, nguyên tắc thống nhất giữa dạy tập thể với cá biệt hóa không mâu thuẫn nhau, mà chúng giúp cho sinh viên hình thành thói quen và kỹ năng học tập hợp tác, hỗ trợ nhau, hình thành kỹ năng học tập chủ động, độc lập, linh hoạt, sáng tạo để nâng cao được kết quả học tập. “*Học để chung sống, học để tự khẳng định mình*” là bản chất của nguyên tắc này.

2.5. Nguyên tắc thống nhất biện chứng giữa vai trò chủ đạo của giảng viên và vai trò chủ động của sinh viên

Giảng viên là chủ thể của quá trình dạy học, việc giảng dạy chỉ có hiệu quả khi giảng viên giữ được vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển và hướng dẫn sinh viên học tập. Vai trò chủ đạo của giảng viên chính là vai trò định hướng mục tiêu và đảm bảo chất lượng dạy học.

Sinh viên là chủ thể của quá trình học tập, vì vậy quá trình học tập chỉ có kết quả khi chính người học có ý thức, chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập. “*Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình*” là mục tiêu học tập của sinh viên.

+ Nguyên tắc này yêu cầu giảng viên trong quá trình dạy học phải tạo cho sinh viên hứng thú học tập, phải tổ chức các hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, hấp dẫn cho sinh viên, tạo ra các mâu thuẫn nhận thức, khéo léo lôi cuốn sinh viên tìm tòi, giải đáp, để tự khám phá kiến thức. Kiến thức tự tìm tòi, khám phá sẽ là tri thức bền vững, sâu sắc có ý nghĩa lớn đối với từng cá nhân sinh viên.

+ Nguyên tắc này yêu cầu giảng viên sử dụng “phương pháp dạy học tích cực” luôn tạo cho sinh viên tâm thế tích cực hoạt động, tạo cho tập thể sinh viên luôn trong trạng thái tranh đua, hợp tác, để khai thác tối đa tiềm năng của từng sinh viên và của tập thể sinh viên, lớp học sôi nổi, hứng thú, trong đó mỗi thành viên hoạt động không mệt mỏi.

Tóm lại, nguyên tắc dạy học là một hệ thống nhiều luận điểm, nhưng chúng thống nhất với nhau, cùng hướng dẫn quá trình dạy học phát triển. Mỗi nguyên tắc nhấn mạnh một phương diện, một khía cạnh của quá trình dạy học, trong công việc của mình, giảng viên phải quán triệt từng nguyên tắc, đồng thời với việc quán triệt đồng bộ các nguyên tắc nhằm đạt được kết quả cao nhất. Quán triệt linh hoạt các nguyên tắc dạy học trong các điều kiện cụ thể đó cũng là nghệ thuật sư phạm.

CHƯƠNG 4

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

1. KHÁI NIỆM PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1.1. Khái niệm chung về phương pháp

Phương pháp là một phạm trù phức tạp, khi bàn về phương pháp người ta thường có nhiều cách tiếp cận và từ đó đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau, thí dụ các nhà triết học định nghĩa:

1. *Phương pháp là con đường đi tới mục đích.*

2. *Phương pháp là sự vận động bên trong của nội dung.*

Hai cách định nghĩa này có tính khái quát, cách thứ nhất nhấn mạnh tính mục đích của công việc, làm thế nào để đạt mục đích công việc đó chính là phương pháp, cách thứ hai nhấn mạnh tới nội dung của công việc, làm thế nào để nội dung công việc tiến triển tốt đó cũng chính là phương pháp.

3. *Phương pháp là sự ý thức của chủ thể về quy luật vận động của đối tượng và vận dụng các quy luật ấy để biến đổi đối tượng theo mục đích đã xác định.*

Cách tiếp cận thứ ba dựa trên lí thuyết tâm lí học hoạt động, có tính toàn diện hơn. Khi nói về phương pháp người ta phải đề cập tới các thành tố tham gia như chủ thể, đối tượng, mục đích, nội dung, phương tiện hoạt động.

Phân tích cách tiếp cận này giúp chúng ta nhận thấy phương pháp bao giờ cũng là của một chủ thể nhất định. Trình độ năng lực, kinh nghiệm, quan điểm, thái độ của chủ thể quy định cách làm việc và tạo ra sản phẩm có chất lượng tương xứng, như vậy phương pháp có tính chủ thể.

Phương pháp làm việc được lựa chọn xuất phát từ đặc điểm của đối tượng hoạt động, hiệu quả công việc phụ thuộc vào việc chủ thể có am hiểu đối tượng đó hay không? như vậy phương pháp có tính đối tượng.

Phương pháp làm việc bị quy định bởi mục đích công việc. Mục đích chỉ dẫn phương pháp làm việc, cùng một mục đích có thể có nhiều phương pháp, phương pháp nào sáng tạo hơn thì làm cho mục đích đạt được nhanh hơn, chất lượng tốt hơn, như vậy phương pháp có tính mục đích.

Phương pháp làm việc còn cần đến *phương tiện hỗ trợ*. Phương tiện đầy đủ, đồng bộ, tinh xảo hỗ trợ rất tích cực cho chủ thể làm việc từ đó sẽ đạt được chất lượng và hiệu quả cao.

Phương pháp là phạm trù phức tạp, khi nói đến phương pháp ta có thể hiểu đó là cách tiếp cận của chủ thể đến đối tượng, ta có thể hiểu đó là quy trình thực hiện một công việc, ta cũng có thể hiểu đó là các thao tác cụ thể khi tiến hành một công việc. Phương pháp là phạm trù có ba bậc:

Bậc thứ nhất: Phương pháp là hệ thống các quan điểm, các cách tiếp cận đối tượng được sử dụng cho một loại công việc. Cách tiếp cận đối tượng khác nhau sẽ đem lại hiệu quả công việc khác nhau.

Bậc thứ hai: Phương pháp là một hệ quy trình, để tiến hành một loại công việc ta cần lựa chọn một quy trình với các bước đi ngắn nhất để đem lại hiệu quả tốt nhất (quy trình tối ưu). Quy trình chính là một thuật toán hay một algôrit (Algorithm).

Bậc thứ ba: Phương pháp là hệ thống các thao tác, biện pháp cụ thể được sử dụng để tiến hành công việc. Phương pháp là cách làm với các thao tác cụ thể.

Như vậy, phương pháp là phạm trù ba bậc bao gồm các quan điểm tiếp cận đối tượng, quy trình và các thao tác tác động vào đối tượng nhằm biến đổi đối tượng theo mục đích đã xác định.

Từ những phân tích chung nhất về phương pháp chúng ta sẽ bàn sâu vào phương pháp dạy học.

1.2. Khái niệm phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học cũng nằm trong phạm trù phương pháp hoạt động như chúng ta đã phân tích, nó cũng chứa đầy đủ các yếu tố kể trên.

Trước hết chúng ta đều thấy: phương pháp dạy học là một thành tố hết sức quan trọng của quá trình dạy học, khi đã xác định được mục tiêu, đã xây dựng được chương trình dạy học, khi đã có đầy đủ phương tiện kĩ thuật, thì lúc này *phương pháp dạy học có ý nghĩa quyết định chất lượng quá trình dạy học*.

Dựa theo lí thuyết hoạt động đã phân tích ở trên ta thấy phương pháp dạy học có những đặc điểm quan trọng sau đây:

1. Dạy học là quá trình hoạt động tương tác của *hai chủ thể* giảng viên và sinh viên, như vậy *phương pháp dạy học bao gồm phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên*. Phương pháp của hai chủ thể phối hợp với nhau để cùng thực hiện *một mục tiêu chung* đó là giúp sinh viên nắm vững kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo và thái độ tích cực đối với cuộc sống.

2. Phương pháp giảng dạy của giảng viên giữ vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều khiển và hướng dẫn phương pháp học tập của sinh viên để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Từ đây cũng thấy có lí khi nói *“dạy học là dạy cách học”*.

- Phương pháp giảng dạy thể hiện trình độ nghiệp vụ sư phạm của giảng viên, nó có tính khoa học, tính kĩ thuật, tính nghệ thuật và tính đạo đức sư phạm. Tính khoa học thể hiện ở phương pháp tiếp cận đối tượng, tính kĩ thuật thể hiện ở hệ quy trình, tính nghệ thuật thể hiện bằng sự khéo léo khi giải quyết các tình huống dạy học, tính đạo đức thể hiện ở thái độ, tâm huyết của nhà giáo *“tất cả vì sinh viên thân yêu”*. Do vậy mà xã hội yêu cầu *nhà giáo phải có phẩm chất công dân và năng lực sư phạm*.

- Phương pháp giảng dạy của giảng viên được lựa chọn xuất phát từ trình độ nhận thức của sinh viên, từ đặc điểm của môn học, mục tiêu từng bài học, môi trường lớp học và phương tiện kĩ thuật đang có.

- Phương pháp giảng dạy của giảng viên còn bao hàm cả các yếu tố của phương pháp giáo dục như: khích lệ, động viên, khơi dậy tính tích cực, sáng tạo, hứng thú, kiên trì, quyết tâm học tập của sinh viên.

3. Phương pháp học tập của sinh viên là *phương pháp nhận thức và phương pháp thực hành* để tự phát triển theo mục tiêu dạy học. Phương pháp học tập của sinh viên một mặt tuân thủ sự hướng dẫn của phương pháp giảng dạy, mặt khác lại phải phát huy tính tích cực, sáng tạo riêng của mình. Như vậy cũng thể nói *“học tập là học phương pháp làm người”*.

- Phương pháp học tập của sinh viên được quy định bởi mục đích, nội dung môn học, bài học, bởi môi trường lớp học, phương tiện học tập, kinh nghiệm của bản thân và phương pháp hướng dẫn của giảng viên.

- Phương pháp học tập của sinh viên phụ thuộc vào động cơ, thái độ, ý thức học tập của từng sinh viên. Sự tập trung chú ý, sự hứng thú, say mê, quyết tâm học tập sẽ tạo nên kết quả học tập tốt.

- Phương pháp học tập phụ thuộc vào năng lực, thói quen, kinh nghiệm, học tập của sinh viên. Kết quả học tập được *quyết định bởi kĩ năng tự học*, kĩ năng thu thập, xử lí, trình bày thông tin của cá nhân người học.

- Sự sáng tạo trong học tập của sinh viên chính là sự mềm dẻo trong tư duy, trong cách tiếp cận đối tượng nhận thức, nội dung môn học, bài học, tận dụng môi trường, tận dụng phương tiện kĩ thuật để đạt được hiệu quả học tập.

4. Phương pháp dạy học rất đa dạng: mỗi ngành học, mỗi môn học, mỗi bài học, thậm chí cả mỗi đơn vị kiến thức, mỗi loại kĩ năng có những phương pháp dạy và học đặc thù. Do vậy một bài học phải *sử dụng phối hợp* nhiều phương pháp dạy học.

Nghệ thuật sư phạm của giảng viên chính là việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học trên cơ sở mục tiêu, nội dung bài dạy, trình độ sinh viên, phương tiện hiện có, kinh nghiệm của bản thân, môi trường và điều kiện học tập của sinh viên.

5. Phương pháp dạy học hiện đại nhấn mạnh giảng viên phải thực hiện nguyên tắc phát huy tính tích cực chủ động của sinh viên. Giảng viên phải coi sinh viên vừa là đối tượng, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình dạy học để tổ chức, hướng dẫn sinh viên học tập có kết quả.

6. Phương pháp dạy học hiện đại nhấn mạnh tới việc cần khai thác tiềm năng trí tuệ của sinh viên và tập thể sinh viên. Biến tập thể lớp học thành *môi trường tương tác sư phạm, sinh viên vừa hợp tác, vừa đua tranh*, vừa cố gắng vươn lên tự khẳng định mình. Hoạt động tương tác giữa sinh viên với nhau là biện pháp quan trọng để đạt được kết quả dạy học tốt nhất.

7. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu nhà trường phải được trang bị các *phương tiện kỹ thuật đồng bộ* phục vụ cho sinh viên học tập, nghiên cứu và thực hành, đặc biệt là sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Phương tiện kỹ thuật là công cụ nhận thức và thực hành của của sinh viên, chúng hỗ trợ đắc lực cho phương pháp dạy học nhằm đạt tới kết quả cao.

Tóm lại, *phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức hoạt động phối hợp, tương tác giữa giảng viên và sinh viên, nhằm giúp sinh viên chiếm lĩnh hệ thống kiến thức khoa học, hình thành hệ thống kỹ năng, kỹ xảo, thực hành sáng tạo và thái độ chuẩn mực, theo mục tiêu của quá trình dạy học.*

2. PHÂN LOẠI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp dạy học là một hệ thống đa dạng, để sử dụng phương pháp dạy học một cách có hiệu quả, người ta chú ý tới việc phân loại chúng. Trong các tài liệu, giáo trình Giáo dục học ở trong nước cũng như ngoài nước có nhiều cách phân loại khác nhau, thí dụ:

+ M.N.Skatkin, I.Ia.Lecne dựa trên mức độ sáng tạo trong nhận thức của sinh viên chia phương pháp dạy học thành các nhóm: nhóm phương pháp giải thích – minh họa, nhóm phương pháp tái hiện, nhóm phương pháp tìm kiếm bộ phận và nhóm phương pháp sáng tạo.

+ Iu.K.Babaxki nhấn mạnh yếu tố giáo dục trong dạy học đã chia phương pháp dạy học thành ba: nhóm phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức, nhóm phương pháp kích thích động cơ nhận thức và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

+ M.A.Đanhilốp, B.P.Êxipốp phân loại phương pháp dạy học thành các nhóm: nhóm phương pháp tìm tòi tri thức mới, nhóm phương pháp hình thành kỹ năng, kỹ xảo và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của sinh viên.

+ I.F. Khaclamốp phân phương pháp dạy học thành bốn nhóm: nhóm phương pháp giải thích bằng lời, nhóm phương pháp hoạt động tìm kiếm tri thức mới, nhóm phương pháp vận dụng kiến thức hình thành kỹ năng, kỹ xảo và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

+ E.I.Pêtrôvxki, E.Gôlant phân loại phương pháp dạy học theo nguồn gốc kiến thức và đặc điểm tri giác tài liệu của sinh viên, đã chia phương pháp thành ba nhóm: nhóm phương pháp dùng lời, nhóm phương pháp trực quan, và nhóm phương pháp hoạt động thực tiễn.

+ Hiện nay ở Việt Nam có tác giả phân phương pháp dạy học thành hai nhóm: phương pháp truyền thống và phương pháp tích cực, để nói tới các xu hướng đổi mới của phương pháp dạy học.

Như vậy là có nhiều cách phân loại phương pháp dạy học là do các tác giả dựa trên các cơ sở khác nhau, mỗi cách phân loại đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng, tuy nhiên các cách phân loại đó vẫn có những nét tương đồng và quan trọng nhất là chúng không mâu thuẫn với nhau.

Một cách phân loại phổ biến đang được chấp nhận và sử dụng ở các trường đại học Việt Nam, đó là phân loại phương pháp dạy học theo bốn nhóm: nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ, nhóm phương pháp dạy học trực quan, nhóm phương pháp dạy học thực hành và nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

3. HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐẠI HỌC

3.1. Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ là nhóm phương pháp giảng viên và sinh viên sử dụng lời nói và chữ viết để trình bày, mô tả, giải thích, phân tích, chứng minh, đề trao đổi, thảo luận với nhau, để từ đó tìm kiếm thông tin khoa học...

Nhóm này bao gồm các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp diễn giảng (diễn giải - thuyết giảng)

Diễn giảng là phương pháp dạy học trong đó giảng viên dùng lời nói để trình bày, mô tả, phân tích, giải thích, chứng minh... nội dung bài học một cách chi tiết giúp cho sinh viên nghe, hiểu và ghi nhớ.

Diễn giảng là phương pháp được sử dụng lâu đời nhất trong lịch sử dạy học ở bậc đại học và còn đang sử dụng rất phổ biến ở nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

Ưu điểm của phương pháp diễn giảng:

+ Đối với giảng viên bài dạy dễ thực hiện, không cần bất cứ một phương tiện kĩ thuật nào, còn đối với sinh viên được nghe thầy phân tích, giải thích, chứng minh nhanh chóng hiểu được các vấn đề phức tạp, nắm được nhiều thông tin lẽ ra phải bỏ ra nhiều công sức, nhiều thời gian để tìm tòi, nghiên cứu mới có thể thu thập được.

+ Giảng viên chủ động thực hiện một chương trình có khối lượng kiến thức lớn, có thể dạy cho một lớp học đông sinh viên.

+ Phương pháp diễn giảng thường được sử dụng ở các môn lí luận chính trị, xã hội, nhân văn, văn học, nghệ thuật... ngoài việc cung cấp thông tin khoa học, diễn giảng còn có thể hướng dẫn sinh viên phương pháp tư duy, lập luận logic giải quyết vấn đề, có thể tạo được cảm xúc cho sinh viên.

Nhược điểm của phương pháp diễn giảng:

+ Là phương pháp độc thoại, thầy nói trò nghe, sinh viên rơi vào trạng thái thụ động, lảng nghe để hiểu, để ghi bài, ít phải động não, nên dễ bị ức chế mỗi một.

+ Sinh viên không có cơ hội để trình bày ý kiến riêng, để tranh luận tập thể, không có điều kiện để thực hành vận dụng kiến thức hình thành kĩ năng, kĩ xảo.

+ Nếu lạm dụng phương pháp diễn giảng, coi đó là phương pháp uy nhất, sử dụng trong thời gian dài sinh viên sẽ hình thành thói quen thụ động, thích nghe hơn thích đọc, ngại tìm tòi, nghiên cứu, ngại thực hành, thí nghiệm và tất yếu không thể có chất lượng học tập tốt.

Chính vì những nhược điểm này mà ngày nay nhiều người lên tiếng phủ nhận phương pháp diễn giảng, thậm chí còn muốn loại trừ nó ra khỏi hệ thống các phương pháp dạy học trong nhà trường đại học.

Theo chúng tôi đây là ý kiến cực đoan, vấn đề đặt ra là cần phải khai thác ưu điểm và hạn chế nhược điểm của phương pháp này.

Phương pháp diễn giảng vẫn cần sử dụng trong những trường hợp cần thiết, với những bài giảng mang tính lí luận, cần phải phân tích, so sánh các quan điểm, các trường phái khác nhau, để bày tỏ quan điểm học thuật chính thống...

Trong thực tế nhiều bài diễn giảng của giảng viên đã để lại những ấn tượng sâu sắc, lâu dài đến sinh viên, không những về giá trị học thuật, phương pháp nhận thức, mà còn về mặt tình cảm, đạo đức và tâm huyết nghề nghiệp của nhà giáo không thể phủ nhận được.

Bài diễn giảng thành công là kết quả của việc tìm tòi, tích lũy kiến thức, vốn sống, kinh nghiệm sư phạm và sự say mê nghề nghiệp của nhà giáo. Để có bài diễn giảng thành công người giảng viên phải nghiên cứu nắm vững nội dung chương trình, giáo trình, phải đọc nhiều sách tham khảo, phải tìm được các thí dụ thực tế phù hợp với nội dung bài giảng.

Để bài diễn giảng có hiệu quả giảng viên phải sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, giàu cảm xúc, có nội dung khoa học chính xác, lập luận logic chặt chẽ, có điểm nhấn, có trọng tâm, trọng điểm.

Bài diễn giảng có thể thực hiện bằng cách mô tả, kể chuyện, giải thích, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, có thể bằng phép quy nạp hay diễn dịch, bằng cách nêu và giải quyết vấn đề, với giọng nói tâm huyết để tạo hứng thú học tập của sinh viên.

Lí luận dạy học hiện đại yêu cầu giảng viên không nên lạm dụng phương pháp diễn giảng, không nên coi đây là phương pháp dạy học duy nhất, phải phối hợp diễn giảng với các phương pháp vấn đáp, thảo luận, minh hoạ, trực quan, trình diễn thí nghiệm, thực hành...nhằm tích cực hoá hoạt động của sinh viên.

Cần chuyển phương pháp diễn giảng đơn giản thành diễn giảng nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, giảng viên cần xây dựng các tình huống, sưu tầm các sự kiện, các mâu thuẫn để hướng dẫn sinh viên cùng suy nghĩ, tìm tòi, giải quyết vấn đề, tạo ra sự hấp dẫn.

b. Phương pháp vấn đáp

Phương pháp vấn đáp là phương pháp giảng viên tổ chức bài học thông qua việc đặt câu hỏi và yêu cầu sinh viên trả lời, tạo nên một giờ học sôi nổi, mọi người cùng tham gia trao đổi một cách tích cực, từ đó nắm vững nội dung bài học. Ở trường đại học phương pháp vấn đáp thường được phối hợp với các phương pháp khác nhau như diễn giảng, minh hoạ trực quan, thực hành, thí nghiệm...

Ưu điểm của phương pháp vấn đáp:

- + Tạo không khí sôi nổi trong lớp học, sinh viên tích cực tư duy.
- + Kiến thức do sinh viên tự tìm ra dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- + Rèn sinh viên kĩ năng tư duy độc lập, kĩ năng trình bày ý tưởng bằng ngôn ngữ, tạo nên sự tự tin, mạnh dạn trước nơi đông người.
- + Trong khi trả lời sinh viên sẽ tự bộc lộ ưu điểm, nhược điểm trong kiến thức và cách lập luận trình bày, giảng viên dễ phát hiện để giúp đỡ.
- + Tạo môi trường vừa cạnh tranh, vừa hợp tác trong học tập của sinh viên.

Nhược điểm của phương pháp vấn đáp:

- + Kiến thức bị chia nhỏ, có thể làm giảm tính logic của bài học, sinh viên khó ghi chép bài.
- + Có thể có một bộ phận sinh viên ngại không tham gia phát biểu ý kiến, kết quả học tập sẽ khó đạt được mục tiêu.
- + Đối với giảng viên mới ra trường ít kinh nghiệm, phương pháp vấn đáp dễ làm mất thời gian, dễ bị “cháy giáo án”, đặc biệt khi sinh viên chưa chuẩn bị kĩ bài học, câu hỏi quá khó mà sinh viên không đủ khả năng trả lời.

Trung tâm điểm của phương pháp vấn đáp là hệ thống câu hỏi, vì vậy giảng viên phải chuẩn bị kĩ các câu hỏi. Hệ thống các câu hỏi được sắp xếp theo trình tự logic từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để dẫn dắt sinh viên nối tiếp nhau cùng suy nghĩ, cùng trả lời từ đó nắm vững nội dung bài học.

Có nhiều loại câu hỏi vấn đáp: câu hỏi ôn tập kiến thức đã học, câu hỏi gợi ý tìm kiến thức mới, câu hỏi nêu vấn đề, câu hỏi lựa chọn phương án, câu hỏi hướng dẫn thực hành, câu hỏi vận dụng kiến thức,....

Những yêu cầu đối với một câu hỏi vấn đáp:

1. Chứa đựng thông tin cần hỏi.
2. Liên quan đến nội dung bài học.
3. Diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu.
4. Phù hợp với trình độ sinh viên.
5. Khuyến khích sinh viên trả lời.
6. Phải huy động kiến thức và kinh nghiệm đã có.
7. Kích thích tư duy sáng tạo.
8. Hạn chế câu hỏi yêu cầu sinh viên thuộc lòng...

Đặc điểm của phương pháp vấn đáp là không bao giờ tồn tại một mình, bài học không thể chỉ toàn là hỏi, đáp, mà nó cần được phối hợp với các phương pháp khác nhau. Phương pháp

vấn đáp có trong tất cả các hình thức tổ chức dạy học. Trong bài diễn giảng, thay cho lối dạy học độc thoại, giảng viên cần đặt các câu hỏi để hướng dẫn sinh viên suy nghĩ tự tìm ra chân lí. Trong bài luyện tập, bằng câu hỏi giảng viên gợi ý cho sinh viên tìm ra phương pháp sáng tạo nhất. Trong khi sử dụng phương pháp trực quan đặt câu hỏi cho sinh viên quan sát, tự rút ra những kết luận. Như vậy vấn đáp được sử dụng phối hợp với các phương pháp khác nhau làm cho bài học trở nên sinh động và hấp dẫn, thu hút sinh viên tích cực tham gia.

Để sử dụng phương pháp vấn đáp có hiệu quả, giảng viên cần phân tích kĩ nội dung bài giảng, chuẩn bị kĩ hệ thống các câu hỏi phù hợp. Trong bài giảng giảng viên nên đặt câu hỏi trước cả lớp, dừng lại một chút để sinh viên suy nghĩ, trao đổi, sau đó gọi sinh viên trả lời. Trong quá trình sử dụng phương pháp vấn đáp giảng viên cần lưu ý khai thác kiến thức và kinh nghiệm của sinh viên, tạo cho họ thói quen suy nghĩ, tích cực học tập.

Khi có một sinh viên không trả lời được câu hỏi, thì tuyệt nhiên không nên chế diễu, chê bai, mà nên đặt câu hỏi gợi ý để họ tiếp tục suy nghĩ trả lời, hoặc kêu gọi sinh viên khác hỗ trợ.

Khi có sinh viên đặt câu hỏi, nêu thắc mắc thì giảng viên không nên vội vàng trả lời mà nên cho cả lớp trao đổi, thảo luận tự trả lời. Giảng viên lưu ý uốn nắn cách trả lời và khẳng định kiến thức đúng, sai, chấn chỉnh những sai sót của sinh viên.

c. Phương pháp thảo luận

Thảo luận là phương pháp giảng viên đặt ra những vấn đề, những tình huống và tổ chức cho sinh viên cùng nhau trao đổi, tranh luận tìm lời giải đáp. Về bản chất của phương pháp thảo luận là sử dụng trí tuệ của tập thể sinh viên cùng đi tìm chân lí, đây là một trong những xu hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện đại.

Ở các nước phát triển quá trình dạy học chủ yếu diễn ra bằng phương pháp “học tập tập thể, tất cả cùng tham gia”.

Ưu điểm của phương pháp thảo luận là:

+ Tạo ra một không khí học tập sôi nổi, mọi người cùng tham gia tìm tòi nắm vững nội dung bài học.

+ Điều quan trọng nhất của phương pháp thảo luận là sinh viên hình thành kĩ năng hợp tác trong tư duy và trong hành động thực tế để cùng giải quyết vấn đề, đây là một phẩm chất cực kì quý báu của người lao động trong xã hội hiện đại “học để hợp tác, cùng chung sống”.

Phương pháp thảo luận có thể tiến hành chung cả lớp, hay theo nhóm. Trong trường hợp thứ nhất giảng viên là người nêu vấn đề, hướng dẫn, khích lệ sinh viên trao đổi, tranh luận, giảng viên làm cố vấn cho các bên, là trọng tài trong các trường hợp gay cấn và đưa ra các kết luận cuối cùng.

Phương pháp thảo luận có thể tiến hành theo nhóm. Trong trường hợp này được thực hiện bằng cách phân nội dung bài học ra thành các chủ đề và chia sinh viên thành các nhóm để thảo luận.

Có nhiều kĩ thuật phân nhóm thảo luận:

1. Nhóm hai, ba sinh viên ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận – gọi là nhóm “rì rầm”.

2. Kết hợp hai, ba nhóm “rì rầm” thành một nhóm lớn, để thảo luận câu hỏi phức tạp hơn – gọi là nhóm “kim tự tháp”.

3. Cho một nhóm thảo luận, một nhóm quan sát, lắng nghe, bình luận sau đó thay đổi vị trí giữa hai nhóm. Hai nhóm tiếp xúc nhau thảo luận – gọi là nhóm “bể cá”.

4. Chia sinh viên thành một số nhóm, bằng đúng số vấn đề có trong nội dung bài học, mỗi nhóm thảo luận một vấn đề theo số thứ tự của nhóm, sau đó đổi vị trí sang nhóm khác. Người đã ngồi ở nhóm có số thứ tự nào sẽ hướng dẫn cả nhóm thảo luận câu hỏi có số thứ tự đó và cuối cùng cả lớp thảo luận chung và giảng viên tổng kết – gọi là nhóm “luân phiên”.

Giờ học thảo luận cần được thiết kế và có ý tưởng, có đạo diễn để lớp học sôi nổi, mọi sinh viên đều tích cực tham gia. Trong khi thảo luận nhóm đại diện sinh viên cần ghi các ý chính vào giấy khổ lớn bằng bút dạ, dán lên bảng để trình bày trước cả lớp, làm cơ sở để các nhóm khác tranh luận bổ sung. Giảng viên cần tổng kết khắc sâu những vấn đề sinh viên đã thảo luận.

Thực hiện quá trình dạy học bằng phương pháp thảo luận làm cho việc học tập của sinh viên trở nên nhẹ nhàng, lớp học sôi nổi, hứng thú. Sinh viên vừa đua tranh, vừa hợp tác giúp đỡ nhau học tập, vấn đề được thảo luận kĩ, do đó kiến thức nhớ lâu và có thể vận dụng vào thực tiễn.

d. Phương pháp sử dụng tài liệu và Internet

Phương pháp sử dụng sách giảng khoa, tài liệu học tập và mạng Internet là phương pháp giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu để nắm vững nội dung bài học, môn học, để đào sâu mở rộng kiến thức làm cho chất lượng học tập được nâng cao.

Sách giảng khoa ở trường đại học chứa đựng kiến thức và kĩ năng chuẩn theo chương trình quy định cho từng môn học, chuyên ngành học.

Các tài liệu học tập ở trường đại học bao gồm sách bài tập, sách tham khảo, chuyên khảo và các tài liệu khoa học, văn học, nghệ thuật... hỗ trợ sinh viên mở rộng và đào sâu kiến thức.

Internet là một nguồn thông tin phong phú, cập nhật có thể hỗ trợ cho sinh viên tham khảo, nếu được sử dụng để học tập sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao trình độ hiểu biết của sinh viên về các lĩnh vực khoa học và thực tế đời sống.

Giáo trình và các tài liệu học tập là căn cứ để sinh viên chuẩn bị bài trước khi lên lớp, chuẩn bị đề cương thảo luận, ôn tập, làm các bài tập thực hành, để tự kiểm tra, để mở rộng, đào sâu kiến thức, việc học tập trở nên có hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Khi sử dụng giáo trình và các tài liệu học tập, đối với sinh viên là cơ hội để luyện tập cách đọc, cách ghi chép, cách phân tích, tổng hợp tài liệu, cách trình bày văn bản, tiệm cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Sinh viên nào đọc nhiều sách tham khảo thì vốn kiến thức sẽ được mở rộng, kết quả học tập được nâng cao hơn. Sinh viên nào đọc sách thường xuyên sẽ hình thành thói quen và kĩ năng tự học, tự nghiên cứu đó là một phẩm chất cực kì quý báu của người lao động mới trong thời đại khoa học và công nghệ, “học để tự khẳng định mình”.

Hiện nay ở các trường đại học có những hiện tượng trái ngược nhau: có những sinh viên đọc quá nhiều sách, trong đó có cả những cuốn sách không phục vụ cho học tập làm ảnh hưởng đến thời gian học tập và tu dưỡng đạo đức, có những sinh viên không đọc sách gì khác ngoài giáo trình, có cả những sinh viên đọc sách đồng nghĩa với học thuộc lòng. Các hiện tượng trên đều bất ổn.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để sinh viên ham thích đọc sách và biết cách đọc sách? Đó là câu hỏi khó nhưng có thể làm được với các biện pháp như sau:

+ Giới thiệu các loại sách cần đọc phục vụ cho học tập, sách tham khảo mở rộng, đào sâu kiến thức, sách giải trí cho lứa tuổi sinh viên.

+ Hướng dẫn sinh viên phương pháp đọc sách, tra cứu trên Internet, kĩ năng tìm thông tin, ghi chép, xử lí, sử dụng thông tin phục vụ cho mục đích học tập.

+ Giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu sinh viên thực hiện công việc nghiên cứu, ấn định ngày phải có sản phẩm bằng văn bản.

+ Có nhiều công việc có thể giao cho sinh viên như: tóm tắt một cuốn sách, phân tích quan điểm của một tác giả, sưu tầm tài liệu phục vụ cho hội thảo, tìm hiểu văn học nghệ thuật, khoa học...

+ Mọi nhiệm vụ đã giao cho sinh viên, giảng viên cần theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện và sản phẩm cần làm. Có nhận xét, đánh giá, động viên, sinh viên làm tốt, có yêu cầu cao đối với sinh viên về sản phẩm và tiến độ để họ cố gắng thực hiện, không bỏ qua những trường hợp đọc sách qua loa, chiếu lệ hoặc hoàn toàn không làm gì cả.

e. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề

Tâm lí học cho rằng, con người chỉ tích cực tư duy khi họ rơi vào hoàn cảnh có vấn đề, khi họ phải tìm cách thoát khỏi tình huống bế tắc trong nhận thức hoặc trong cuộc sống thực tế.

Hoàn cảnh có vấn đề nảy sinh khi con người phát hiện các mâu thuẫn trong lí thuyết hay thực tế, với phương pháp tư duy cũ, tri thức và kinh nghiệm cũ không thể giải quyết nổi, làm

cho họ rơi vào trạng thái tâm lý đặc biệt, trạng thái thôi thúc đi tìm ra cách giải quyết. Từ đây nảy sinh lý thuyết dạy học nêu vấn đề.

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học, trong đó giảng viên tạo ra tình huống có vấn đề, mâu thuẫn, đưa sinh viên vào trạng thái tâm lý phải tìm tòi khám phá, từ đó giảng viên hướng dẫn, kích lệ sinh viên tìm cách giải quyết.

Mấu chốt của phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là sưu tầm được các tình huống xung đột, mâu thuẫn thực tế, phù hợp với nội dung bài giảng, chuyên ngành, làm cho sinh viên cố gắng tìm cách giải quyết.

Có nhiều loại tình huống có vấn đề giảng viên cần khai thác sử dụng:

- + Tình huống không phù hợp với quan niệm thông thường, trái với kinh nghiệm đã có.
- + Tình huống mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế, giữa thực tế nơi này với nơi kia.
- + Tình huống xung đột, đối nghịch nhau.
- + Tình huống lựa chọn phương án.
- + Tình huống đột biến, sự kiện phát triển nhanh khác thường.
- + Tình huống giả thuyết, tình huống dự đoán, giả định cần phải chứng minh.

Trên cơ sở tạo dựng các tình huống, giảng viên dẫn dắt sinh viên giải đáp bằng các phương án sau:

- + Giảng viên nêu mâu thuẫn, đưa mâu thuẫn tới điểm đỉnh và sau đó thuyết trình tháo gỡ vấn đề.

- + Tổ chức cho sinh viên thảo luận tìm cách giải quyết và giảng viên giúp sinh viên khẳng định kết quả.

- + Tổ chức cho sinh viên làm các thí nghiệm chứng minh hay bác bỏ tình huống.

Đích cuối cùng của dạy học nêu và giải quyết vấn đề là sử dụng tối đa trí tuệ của sinh viên và tập thể sinh viên, giúp họ tự lực tìm ra kiến thức, hình thành phương pháp tư duy linh hoạt, sáng tạo.

3.2. Nhóm phương pháp dạy học trực quan

Nhóm phương pháp dạy học trực quan là nhóm phương pháp dạy học giảng viên huy động các giác quan của sinh viên tham gia vào quá trình học tập, làm cho việc nhận thức trở nên cụ thể, dễ dàng và chính xác hơn.

Các công trình nghiên cứu khoa học cho thấy khả năng thu nhận thông tin của con người trong thực tế qua thính giác là 15%, qua thị giác là 20 %, đồng thời qua cả thính giác và thị giác là 25%, qua hành động có thể lên tới 75% thông tin. Do vậy trực quan đã trở thành một nguyên tắc dạy học quan trọng mà Cômênxki nhà giáo dục người Xéc gọi là “nguyên tắc vàng ngọc”.

Nhóm phương pháp dạy học trực quan bao gồm các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp minh họa

Minh họa là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các phương tiện trực quan giúp sinh viên hiểu rõ những vấn đề phức tạp, trừu tượng trong bài giảng.

Ưu điểm của phương pháp minh họa là tạo nên sự hấp dẫn, hứng thú trong giờ học, sinh viên hiểu nhanh, hiểu đúng các vấn đề trừu tượng, phức tạp, khó hiểu của bài giảng.

Điều quan trọng nhất đối với phương pháp minh họa là giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện trực quan phù hợp với nội dung từng bài giảng.

Phương tiện trực quan trong dạy học minh họa bao gồm: vật thật, mô hình, sơ đồ, biểu đồ, tranh ảnh, băng hình, băng âm, số liệu, tài liệu, những hiện tượng thực tiễn xã hội, những sự kiện lịch sử... do giảng viên sưu tầm để làm dẫn chứng, chứng minh cho các luận điểm khoa học.

Các phương tiện trực quan cần đảm bảo tính khoa học, chính xác, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, mỹ thuật, có thể vận hành được sẽ làm tăng sức hấp dẫn đối với sinh viên. Tài liệu trực quan phi vật thể phải chính xác, cụ thể, thực tế, mới có tính thuyết phục cao.

Đặc điểm của phương pháp minh họa là nó không tồn tại độc lập mà thường được sử dụng kết hợp với phương pháp khác như diễn giảng, vấn đáp, thảo luận, tranh luận, trong các hình

thức tổ chức dạy học khác nhau như hội thảo... sinh viên quan sát, thảo luận, từ đó rút ra được kết luận khoa học.

Để phương pháp dạy học minh họa có hiệu quả, phương tiện trực quan phải đưa ra đúng lúc, đúng chỗ, phù hợp với nội dung của từng bài.

Tuy nhiên, không nên lạm dụng phương tiện trực quan cho tất cả các bài học, các môn học, cho mọi đối tượng, vì nó có thể làm hạn chế tư duy trừu tượng của sinh viên.

b. Phương pháp trình diễn thí nghiệm

Phương pháp trình diễn thí nghiệm là phương pháp trong đó giảng viên tiến hành các thí nghiệm khoa học tại lớp, để sinh viên quan sát diễn biến của thí nghiệm từ đó rút ra các kết luận cần thiết. Phương pháp trình diễn thí nghiệm thường được sử dụng để giảng dạy các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

Phương pháp trình diễn thí nghiệm là một dạng của phương pháp minh họa, sự khác biệt duy nhất của chúng là thay vì sử dụng đồ dùng trực quan, giảng viên cho tiến hành các thí nghiệm khoa học. Sinh viên không chỉ quan sát trực tiếp các diễn biến của hiện tượng thí nghiệm, mà còn làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học.

Để sử dụng phương pháp trình diễn thí nghiệm có kết quả, yêu cầu nhà trường phải có phòng thí nghiệm, với đầy đủ phương tiện, thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn cho sinh viên.

Hiện nay các trường đại học đều có phòng thí nghiệm, thiết bị, vật tư, vấn đề được đặt ra là phải yêu cầu giảng viên thường xuyên sử dụng các thí nghiệm như là một biện pháp quan trọng để nâng cao chất lượng dạy học.

Nhằm đảm bảo cho cuộc trình diễn thí nghiệm thành công, giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ các thiết bị thí nghiệm và phải làm thử thành công trước khi lên lớp.

Trong quá trình làm thí nghiệm giảng viên cần hướng dẫn sinh viên quan sát, thảo luận, ghi chép, tự rút ra các kết luận khoa học.

Giờ học biểu diễn thí nghiệm thành công sẽ để lại ấn tượng sâu sắc đối với sinh viên về phương diện nhận thức và phương pháp nghiên cứu khoa học.

c. Phương pháp quan sát thực tế

Quan sát thực tế là phương pháp giảng viên tổ chức cho sinh viên trực tiếp tri giác các sự vật, hiện tượng tự nhiên hay xã hội đang diễn ra trong môi trường thực tế.

Phương pháp quan sát thực tế được sử dụng ở tất cả các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Mục đích của phương pháp quan sát thực tế là giúp sinh viên thu thập tài liệu để chứng minh, khẳng định các luận điểm, các lý thuyết khoa học, hoặc để tìm tài liệu để chuẩn bị học tập các vấn đề mới.

Phương pháp quan sát thực tế rất gần với hai phương pháp minh họa và trình diễn thí nghiệm, sự khác biệt chủ yếu của chúng là quan sát được tiến hành trong thực tế sống động, việc học tập có tính thực tiễn cao. Quan sát thực tế là phương pháp dạy học gần nhà trường với cuộc sống, học lý thuyết thông qua thực tế sẽ đem lại hiệu quả giáo dục cao.

Để giúp sinh viên tiến hành các giờ học quan sát giảng viên phải xác định mục đích quan sát, đối tượng quan sát, hướng dẫn sinh viên ghi chép, xử lý các tài liệu quan sát được, để từ đó có thể tự rút ra kết luận theo yêu cầu của nội dung học tập.

d. Phương pháp dạy học sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại

Trong điều kiện phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, truyền thông, các phương tiện kỹ thuật và máy tính điện tử đã trở thành một công cụ phổ biến, hỗ trợ đắc lực cho giảng viên thực hiện các yêu cầu đa dạng của quá trình dạy học.

Khi trình bày các bài lý thuyết giảng viên thường sử dụng các thiết bị như: máy chiếu bản trong (Overhead Projector), máy chiếu phản xạ (Opaque Projector), máy chiếu Slide (Slide Projector) để trình chiếu các tài liệu, số liệu, hình ảnh minh họa. Các hình ảnh trên màn hình có thể thay thế cho các phương tiện trực quan cụ thể.

Hiện nay máy tính điện tử cùng với máy chiếu đa phương tiện (Multimedia Projector) một công cụ trợ giúp rất đắc lực cho giảng viên thực hiện mọi công việc từ đơn giản đến phức tạp như:

- + Trình bày thông tin dưới dạng văn bản, đồ thị, hình ảnh, âm thanh...

- + Khai thác thông tin hình ảnh, âm thanh trên mạng Internet hay tự thiết kế các Video Clip phục vụ giảng dạy thí dụ: hình ảnh trái đất, phong cảnh núi rừng, đại dương, sa mạc quan sát từ tàu vũ trụ, hiện tượng sinh trưởng phát triển của động, thực vật, hình ảnh về các sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá...trong nước và trên thế giới.

- + Thiết kế mô hình thông tin, các hiện tượng kỹ thuật mà trước đây các phương pháp truyền thống không thể thực hiện được, thí dụ biểu diễn hiện tượng hoạt động của xilanh trong động cơ đốt trong, quá trình phản ứng nhiệt hạch trong nhà máy điện nguyên tử, vụ nổ vũ trụ Big Bang hình thành trái đất...

- + Thực hiện các thí nghiệm ảo của bộ môn vật lý hay hoá học... phóng to, thu nhỏ hình ảnh các hiện tượng tự nhiên, làm tăng hay làm giảm tốc độ diễn biến của các hiện tượng, có thể lặp lại nhiều lần các thí nghiệm, hiện tượng khoa học cho sinh viên quan sát...

- + Soạn các giáo án điện tử, cài đặt các tranh ảnh, âm thanh, các Video Clip, bài dạy sẽ trở nên sống động, tạo được hứng thú cho sinh viên.

Vấn đề được đặt ra hiện nay là nhà trường cần trang bị đầy đủ và đồng bộ thiết bị kỹ thuật dạy học, cần tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng máy tính và quan trọng hơn là tạo thành một phong trào sôi nổi trong giảng viên sử dụng các phương tiện kỹ thuật.

3.3. Nhóm phương pháp dạy học thực hành

Nhóm phương pháp dạy học thực hành là nhóm phương pháp dạy học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên luyện tập vận dụng kiến thức đã học vào thực tế, để giúp sinh viên vừa khắc sâu kiến thức, vừa hình thành kỹ năng, kỹ xảo học tập và thực hành nghiệp vụ.

Nhóm phương pháp dạy học thực hành bao gồm có các phương pháp cụ thể sau đây:

a. Phương pháp bài tập

Phương pháp bài tập là phương pháp giảng viên tổ chức cho sinh viên làm các bài tập thực hành vận dụng lý thuyết môn học. Mục đích của phương pháp này là giúp sinh viên hiểu sâu, hiểu chính xác lý thuyết, đồng thời hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận dụng lý thuyết, trong nhiều trường hợp qua bài tập sinh viên tự rút ra các kết luận, các quy tắc khoa học. Phương pháp bài tập được sử dụng rộng rãi ở tất cả các khoa học tự nhiên, xã hội, nhân văn, công nghệ, ngoại ngữ, tin học...

Để sử dụng phương pháp bài tập, yêu cầu giảng viên nghiên cứu kỹ nội dung từng bài, từng chương trong chương trình môn học, sau đó sưu tầm hay tự soạn các bài tập với các mức độ khó khác nhau giao cho sinh viên thực hiện. Khi tổ chức làm bài tập, khuyến khích sinh viên tìm ra các phương pháp sáng tạo.

Thực tế đã khẳng định rằng sinh viên nào chăm làm bài tập thì sinh viên đó có kết quả học tập tốt, sinh viên nào thường xuyên tìm được cách giải hay cũng chính là sinh viên thông minh nhất.

b. Phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học

Phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học là phương pháp giảng viên tổ chức cho sinh viên tiến hành các thí nghiệm khoa học tại các phòng thí nghiệm, các vườn, trạm trại thí nghiệm theo yêu cầu của các môn học tự nhiên hay kỹ thuật.

Mục đích của phương pháp hướng dẫn làm thí nghiệm khoa học là giúp sinh viên chứng minh lý thuyết khoa học và thực hành các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Để tiến hành các thí nghiệm, ngay từ đầu năm học giảng viên cần có kế hoạch cho toàn bộ chương trình môn học, ấn định thời gian, chuẩn bị kỹ nội dung, phương tiện, nguyên vật liệu...

Trong quá trình hướng dẫn làm thí nghiệm giảng viên phải theo dõi mọi diễn biến, giúp từng sinh viên thực hiện đầy đủ các thao tác, tự rút ra được kết luận khoa học.

Học tập bằng phương pháp thí nghiệm là cách học tích cực và rất hiệu quả ở trường đại học, đó là sự thống nhất tuyệt vời giữa học lí thuyết khoa học và học phương pháp nghiên cứu khoa học, tự nó làm tăng đáng kể chất lượng học tập của sinh viên.

Sinh viên nào ham mê nghiên cứu, thí nghiệm khoa học, sinh viên đó sẽ tiến xa hơn trên con đường học vấn và thành đạt trong lao động sáng tạo sau này.

c. Phương pháp thực hành tạo sản phẩm

Phương pháp thực hành tạo ra sản phẩm là phương pháp giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hiện các bài tập với mục tiêu là giúp họ vận dụng kiến thức tổng hợp để tạo ra được các sản phẩm cụ thể.

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm có ý nghĩa rất lớn, nó làm nảy nở trong sinh viên nhu cầu sáng tạo, kích thích tính tích cực tìm tòi, làm phát triển năng lực hoạt động.

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm có thể sử dụng trong tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội, văn học, nghệ thuật.., đối với các trường đại học kĩ thuật còn được gọi là phương pháp thực hành sản xuất.

Sản phẩm thực hành có thể là kết quả một thí nghiệm khoa học, một bài tập nghiên cứu, một mẫu điều tra, một sáng tác văn học, nghệ thuật, một chi tiết máy, một phần mềm tin học...

Phương pháp thực hành tạo sản phẩm là phương pháp phức tạp, cần có chương trình, kế hoạch ngay từ đầu năm cho các môn học. Phải chuẩn bị mua sắm đủ nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, thiết bị, các phương tiện hỗ trợ, giảng viên phải chuẩn bị về chủ đề, thể loại phù hợp.

Sinh viên cần được hướng dẫn về quy trình, thao tác thực hành một cách chi tiết, khuyến khích tìm tòi phương pháp sáng tạo, sản phẩm độc đáo...

d. Phương pháp trò chơi

Trong các xu hướng phát triển của quá trình dạy học hiện đại, giảng viên còn sử dụng phương pháp trò chơi để tổ chức cho sinh viên học tập.

Mục đích của trò chơi là tạo ra hứng thú, thu hút sinh viên vào sân chơi trí tuệ, qua đó giúp sinh viên nắm vững kiến thức, hình thành kĩ năng và thái độ tích cực học tập.

Trò chơi là một phương pháp dạy học nhẹ nhàng, nhưng hấp dẫn, vừa chơi vừa học mà vẫn có kết quả.

Phương pháp trò chơi có nhiều loại: trò chơi đóng vai sử dụng trong giảng dạy các bộ môn quản lí kinh tế, xã hội, hành chính..., trò chơi trí tuệ sử dụng trong các môn khoa học tự nhiên, toán học, logic học..., trò chơi nghệ thuật sử dụng trong các trường văn hóa, nghệ thuật, trò chơi sáng tạo kĩ thuật trong các trường kĩ thuật, trò chơi giải quyết tình huống trong tất cả các môn học...

Phương pháp trò chơi cần được kết hợp với các phương pháp dạy học khác của tất cả các môn học, nhằm tạo hứng thú, hỗ trợ cho các phương pháp chính thành công.

Trong quá trình dạy học, tùy theo nội dung bài học, môn học mà khai thác sử dụng các loại trò chơi thích hợp. Vấn đề quan trọng là giảng viên phải biết sưu tầm hay sáng tạo các trò chơi đa dạng và hấp dẫn.

Khi thiết kế trò chơi phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Các chủ đề trò chơi phải phù hợp với nội dung và phục vụ cho mục tiêu bài học.
2. Trò chơi phải hấp dẫn, tạo hứng thú, lôi cuốn sinh viên tham gia.
3. Trò chơi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm và phát huy được trí thông minh sáng tạo của sinh viên.

4. Các chủ đề trò chơi phải có khả năng giáo dục tình cảm, thái độ của sinh viên trong học tập và cuộc sống xã hội.

Để tổ chức trò chơi có kết quả giảng viên phải chuẩn bị về nội dung, có kịch bản, phải tự bồi dưỡng về kĩ năng đạo diễn. Kết thúc trò chơi sinh viên nắm được kiến thức, hình thành được kĩ năng và thái độ ứng xử xã hội thích hợp.

3.4. Nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quy trình đào tạo ở các trường đại học, nhưng đối với giảng viên thì chúng lại là phương pháp dạy học.

Kiểm tra và đánh giá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý đào tạo của nhà trường và cũng có tầm quan trọng như thế đối với quá trình dạy học của giảng viên và sinh viên.

Kiểm tra, thi và đánh giá luôn đi liền với nhau, nhưng không phải là một, chúng có những chức năng riêng, chúng ta sẽ nghiên cứu hai khái niệm này một cách cụ thể:

3.4.1. Kiểm tra

Kiểm tra trong quá trình dạy học là hoạt động khảo sát, thu thập thông tin về quá trình học tập và kết quả học tập của sinh viên. Ở các trường đại học kiểm tra được thực hiện sau mỗi học trình, gọi là kiểm tra học trình (còn gọi là kiểm tra điều kiện, kiểm tra thường xuyên).

Kiểm tra được tổ chức nghiêm túc, khách quan sẽ tạo nên sự nghiêm túc trong quá trình dạy và học của giảng viên và sinh viên từ đó góp phần tạo nên chất lượng đào tạo của nhà trường.

Kiểm tra học trình

Ở trường đại học giảng viên giảng dạy các bộ môn khoa học và nghiệp vụ có nhiệm vụ lựa chọn hình thức kiểm tra học trình, xác định trọng số cho điểm, cũng như tính điểm tổng hợp, đưa ra kết luận chung về điều kiện cho sinh viên được dự thi hết học phần.

Kiểm tra học trình có nhiều hình thức:

- Quan sát, theo dõi sự chuyên cần học tập, tinh thần, ý thức, thái độ tham gia thảo luận của sinh viên.
- Làm bài thu hoạch hay còn gọi là bài tiểu luận.
- Làm bài kiểm tra viết học trình, do giảng viên trực tiếp ra đề, chấm bài cho điểm và đánh giá chung.

Kiểm tra trong quá trình dạy học có các chức năng sau đây:

1. Kiểm tra là một biện pháp để thu thập thông tin về quá trình học tập và kết quả học tập các học trình của sinh viên. Kết quả kiểm tra cho ta biết những chỗ mạnh, chỗ yếu, cái đạt được, điều chưa đạt được của từng học trình, của từng sinh viên một cách liên tục. Các thông tin về kết quả kiểm tra học trình sẽ giúp ích rất nhiều cho giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy và sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập, làm cho quá trình dạy học đi đúng mục tiêu. Đây chính là *chức năng dạy học* của kiểm tra.

2. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, kiểm tra còn là một biện pháp kiểm soát, tạo động lực thúc đẩy sinh viên cố gắng trong học tập, ở đâu giảng viên kiểm tra nghiêm túc thì ở đấy có sinh viên nỗ lực học tập, ở đâu giảng viên coi nhẹ kiểm tra thì ở đấy có hiện tượng sinh viên lơ là học tập. Như vậy, kiểm tra có *chức năng kiểm soát*, định hướng giáo dục sinh viên học tập, tạo ra sự cố gắng thường xuyên trong suốt quá trình học tập ở trường đại học.

3. Một chức năng quan trọng nữa của kiểm tra là để tham gia *đánh giá kết quả* học tập của sinh viên, bởi vì đánh giá kết thúc từng học phần bao giờ cũng phải dựa trên kết quả kiểm tra thường xuyên quá trình học tập của họ.

Ở trường đại học có nhiều hình thức kiểm tra, mỗi hình thức kiểm tra có chức năng riêng, có ưu điểm và nhược điểm riêng, tuy nhiên chúng đều phục vụ cho mục tiêu chung là kiểm soát, điều chỉnh quá trình dạy và học nhằm nâng cao chất lượng quá trình dạy học.

Sinh viên phải hoàn thành tất các học phần lí thuyết và thực hành và phải có điểm điều kiện mới được dự thi kết thúc học phần.

3.4.2. Thi

Thi là hình thức đặc biệt của kiểm tra, mục đích của thi để đánh giá kết quả học tập từng học phần và đánh giá kết quả học tập toàn khoá học của từng sinh viên.

Mục tiêu và nội dung của các môn học, của khoá học là cơ sở để tổ chức các kì thi. Hình thức thi, nội dung thi, cách đánh giá cho điểm có giá trị định hướng cho phương pháp dạy và học, cũng

nhằm tạo động lực cho việc học tập, tu dưỡng của sinh viên. Cho nên thi ở đại học là một biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy học và đào tạo của nhà trường.

Thi học phần:

Ở trường đại học thi được áp dụng cho mỗi học phần, sinh viên tích lũy đủ kết quả thi các học phần (tín chỉ) để được công nhận tốt nghiệp.

Thời gian dành cho sinh viên ôn thi các học phần tỉ lệ thuận với số đơn vị học trình, ít nhất cũng có nửa ngày cho một đơn vị học trình.

Có nhiều hình thức thi học phần:

- + Làm bài thi viết: tự luận hay trắc nghiệm.
- + Vấn đáp.
- + Thực hành.
- + Viết tiểu luận.
- + Làm bài tập lớn.

Quy trình tổ chức kì thi học phần:

1. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm nghiên cứu mục tiêu, nội dung chương trình các học phần, các vấn đề trọng tâm, trọng điểm.

2. Có thể soạn đề cho từng đợt thi học phần, có thể xây dựng ngân hàng đề thi. Đề thi nên giao cho các bộ môn, hoặc giao cho nhóm chuyên gia tổ chức biên soạn, hiệu trưởng là người phê duyệt cuối cùng. Xây dựng ngân hàng đề thi là cách làm tốt nhất.

3. Tổ chức kì thi thật sự nghiêm túc, người coi thi nên là những giảng viên khác bộ môn, có cán bộ của trường giám sát.

4. Chấm bài, lên điểm phải chính xác. Mỗi bài thi lí thuyết có hai giảng viên chấm riêng biệt và trưởng nhóm chịu trách nhiệm chung. Mỗi bài thi vấn đáp có hai giảng viên thực hiện, nếu có sự không thống nhất về điểm thì trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định. Các bài thi trắc nghiệm nên chấm bằng máy. Kết quả thi do phòng đào tạo quản lí.

Vấn đề cấp bách nhất đang được đặt ra hiện nay là phải đổi mới phương pháp kiểm tra thi cử. Có mấy vấn đề cần lưu ý như sau:

Ra đề thi cần chú ý tới các nguyên tắc chung:

- Đề thi phải tập trung vào nội dung chương trình đào tạo.
- Có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn.
- Phân biệt được trình độ, năng lực học tập của sinh viên.
- Đề thi phải đo được tính sáng tạo trong tư duy của sinh viên.
- Không nên ra đề thi với yêu cầu học thuộc, nhắc lại sách giáo khoa.

Giảng viên có thể lựa chọn một hoặc kết hợp các hình thức khác nhau, không nên coi một hình thức thi nào là duy nhất.

Một trong những xu hướng trong thi cử ở các trường đại học hiện nay là sử dụng trắc nghiệm khách quan (Objective test).

Trắc nghiệm là bộ công cụ đo lường chuẩn được sử dụng để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên.

Trắc nghiệm có nguồn gốc từ nghiên cứu Tâm lí học, bắt đầu từ ý tưởng của F.Galton cuối thế kỷ XIX. Trắc nghiệm được sử dụng để đo chỉ số thông minh (IQ) chỉ số xúc cảm (EQ), chỉ số sáng tạo (CQ)... của các nghiệm thể, qua nói, viết, vẽ và hành động... về sau trắc nghiệm được vận dụng để nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực giáo dục, trước hết để đo lường, đánh giá kết quả học tập của học sinh, sinh viên.

Có hai loại trắc nghiệm viết được sử dụng phổ biến hiện nay ở trường đại học đó là: trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan:

Trắc nghiệm tự luận (Essay Test) là loại trắc nghiệm được xây dựng dưới dạng một câu hỏi về một hay nhiều vấn đề, yêu cầu sinh viên trả lời bằng cách viết ra một văn bản theo khả năng hiểu biết của mình. Đó chính là bài thi viết mà chúng ta vẫn sử dụng lâu nay.

Trắc nghiệm tự luận có nhiều ưu điểm và cũng có nhiều nhược điểm.

Về mặt ưu điểm, kết quả làm bài thi trắc nghiệm tự luận bộc lộ mọi khả năng của sinh viên: từ trình độ hiểu biết, số lượng và chất lượng kiến thức, phương pháp tư duy, logic lập luận, khả năng diễn đạt, cảm xúc của cá nhân... Từ đó cho phép đánh giá được năng lực thực tế của sinh viên.

Song song với ưu điểm, trắc nghiệm tự luận là phương pháp kiểm tra bộc lộ nhiều nhược điểm, trước hết là nó mang tính chủ quan: giảng viên là người giảng dạy, đồng thời là người ra đề, người coi thi, chấm thi. Đề thi tự luận thường là một hoặc hai câu hỏi tập trung vào những phần quan trọng nhất của chương trình môn học, cho nên có thể dẫn đến việc thầy dạy tú, sinh viên học lệch, thậm chí có sinh viên học thuộc lòng bài tú hay làm phao để quay cóp...

Vấn đề quan trọng nhất của trắc nghiệm tự luận là khâu ra đề, hiện nay nhiều giảng viên vẫn quan niệm thi là để xem sinh viên có thuộc bài không, vì vậy ra đề thi thường là những câu hỏi yêu cầu sinh viên học thuộc lòng các nội dung có trong giáo trình hay bài giảng của giảng viên.

Trắc nghiệm khách quan (Objective Test) là hệ thống câu hỏi kèm theo các phương án trả lời, đề thi cung cấp cho sinh viên toàn bộ hay một phần thông tin, yêu cầu sinh viên chọn một trong những phương án để trả lời.

Trắc nghiệm khách quan được coi là công cụ đo lường chuẩn mực, kết quả chấm thi rất khách quan, bộ trắc nghiệm khách quan có 5 loại:

Trắc nghiệm đúng, sai (no/yes question) là trắc nghiệm có hai phương án, trong đó có một phương án đúng.

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (multiple choice questions) là trắc nghiệm có bốn hoặc năm phương án lựa chọn, trong đó có một phương án đúng.

Trắc nghiệm ghép đôi (matching items) là trắc nghiệm có hai dãy từ, trong đó có các cặp từ tương ứng ở hai cột.

Trắc nghiệm điền khuyết (completion items) là trắc nghiệm yêu cầu sinh viên phải điền từ hoặc cụm từ vào chỗ trống để hoàn chỉnh một đoạn thông tin.

5. Trắc nghiệm trả lời ngắn (short answer) là trắc nghiệm yêu cầu sinh viên dùng một một đoạn thông tin ngắn để trả lời một câu hỏi.

Mỗi trắc nghiệm có cấu trúc gồm hai phần: phần câu dẫn, phần đáp án có các phương án cần lựa chọn.

Ưu điểm của trắc nghiệm khách quan:

- + Trắc nghiệm khách quan là bộ công cụ chuẩn, có giá trị, có độ tin cậy cao, có tính hiệu nghiệm, có khả năng phân biệt trình độ học tập và đánh giá khách quan kết quả làm bài của sinh viên. Trắc nghiệm khách quan được lượng giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và có thang đo chuẩn mực.

- + Bộ đề trắc nghiệm khách quan có số lượng lớn câu hỏi, trải dài từ đầu đến cuối chương trình môn học và kết quả làm bài được chấm bằng máy, được xử lý bằng toán thống kê, cho kết quả khách quan đúng với trình độ của sinh viên.

- + Trắc nghiệm khách quan chống được hiện tượng học tủ, học lệch. Với một ngân hàng đề thi, với sự hỗ trợ của máy tính, việc tổ chức thi sẽ trở nên đơn giản, cho ta kết quả khách quan.

- + Trắc nghiệm khách quan có khả năng phân loại nhanh trình độ của sinh viên trong một lớp học một cách nhanh chóng.

- + Trắc nghiệm khách quan còn có thể được sử dụng trong quá trình dạy học như một phương pháp, nhằm giúp sinh viên tự kiểm tra kiến thức, tự điều chỉnh cách học rất có hiệu quả.

Trắc nghiệm khách quan đang được sử dụng trong các kì thi, đặc biệt là thi tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh đại học cho các môn vật lý, hoá học, sinh học, lịch sử, địa lí và tiếng nước ngoài, các kì thi kết thúc học phần ở các trường đại học.

Trắc nghiệm khách quan cũng có nhiều nhược điểm cần lưu ý:

- + Sinh viên dễ “đoán mò” khi làm bài. Có những trường hợp sinh viên đoán đúng đáp án nhưng lại không hiểu bản chất của đáp án.

+ Đánh giá được kết quả làm bài nhưng không đánh giá được phương pháp làm bài, thí dụ không đánh giá được phương pháp tư duy trong giải bài toán, không đánh giá được phương pháp tưởng tượng sáng tạo trong bài văn...

+ Không đánh giá được thái độ, cảm xúc của sinh viên đối với nội dung học tập, thí dụ cảm xúc văn học, nghệ thuật...

+ Không đánh giá được một số kỹ năng cơ bản, thí dụ kỹ năng đọc, nói, viết trong các môn học ngoại ngữ, kỹ năng làm thí nghiệm, thực hành trong các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật như vật lý, hoá học, sinh học và công nghệ...

Do vậy, không nên coi trọng khách quan là phương pháp kiểm tra, đánh giá khách quan duy nhất, mà nên kết hợp nhiều hình thức thi tự luận, vấn đáp, thực hành, làm bài tiểu luận trong quá trình dạy học.

Ở nhiều nước phát triển thí dụ như Cộng hòa liên bang Nga các kì thi trong quá trình dạy học chủ yếu là vấn đáp, kết hợp với thực hành và làm tập tiểu luận, hầu như không sử dụng hình thức thi tự luận.

Thi tốt nghiệp:

Mỗi khoá học sinh viên phải hoàn thành các công việc sau đây thì sẽ được công nhận tốt nghiệp:

1. Tích lũy đủ số học phần theo quy định cho chương trình đào tạo: Không dưới 180 tín chỉ đối với khóa đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khóa đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khóa đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khóa 3 năm; 60 tín chỉ đối với khóa đào tạo cao học 2 năm.

2. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

3. Hoàn thành đợt thực tập cuối khóa.

4. Hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Thi một số học phần chuyên môn khi không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Hiệu trưởng trường đại học ký quyết định và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên đủ các điều kiện quy định.

3.4.3. Đánh giá

Đánh giá là xác định kết quả học tập của sinh viên, bằng cách so sánh với các mục tiêu đã xác định.

Đánh giá là bước tiếp theo của kiểm tra, cũng như kiểm tra, đánh giá có chức năng dạy học, chức năng kiểm soát và chức năng giáo dục thái độ học và tu dưỡng của sinh viên.

Để đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách chính xác nên sử dụng bảng phân loại mục tiêu giảng dạy ở ba mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi mặt có những mức độ như sau :

+ Đánh giá kiến thức theo các mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. (Bloom)

+ Đánh giá kỹ năng theo các mức độ thành thạo: làm được theo mẫu, nắm vững các thao tác, thành thạo công việc, tự động hoá hành động, sáng tạo được phương pháp mới và biết đánh giá các phương pháp hành động.

+ Đánh giá thái độ theo các mức độ cảm xúc: tiếp nhận, phản ứng ban đầu, xác định thang giá trị, quyết định hành động, hành vi tự động hoá và đánh giá các giá trị hành vi văn hóa.

Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập của sinh viên :

+ Đảm bảo tính khách quan, theo các tiêu chí chuẩn mực.

+ Đảm bảo tính toàn diện: học lực, hạnh kiểm, lý thuyết, thực hành.

+ Đảm bảo tính hệ thống trong đánh giá quá trình học tập.

+ Đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng trước tập thể sinh viên .

+ Đảm bảo tính phát triển, động viên sự tiến bộ trong học tập, tu dưỡng của sinh viên .

Theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDDT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định như sau:

+ Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó chuyển thành điểm chữ như sau:

A là loại giỏi điểm đạt từ 8,5 đến 10.

B là loại khá điểm đạt từ 7,0 đến 8,4.

C là loại trung bình điểm đạt từ 5,5 đến 6,9

D là loại trung bình yếu điểm đạt từ 4,0 đến 5,40

F là loại kém (không đạt) điểm dưới 4,0

Ngoài ra còn sử dụng ký hiệu I và X với những trường hợp chưa đủ cơ sở xếp loại:

I là chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X là chưa nhận được kết quả thi.

+ Sinh viên hoàn thành khoa học được cấp bằng tốt nghiệp và xếp hạng như sau:

Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00.

Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59

Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19

Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

4. LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp dạy học rất đa dạng được phân thành bốn nhóm. Mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu điểm, nhược điểm, có chỗ mạnh, chỗ yếu và không có phương pháp nào là vạn năng. Vì vậy quá trình dạy học phải lựa chọn để sử dụng phối hợp đồng bộ các phương pháp dạy học.

Việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học bao giờ cũng tùy thuộc vào từng bài dạy cụ thể và phải căn cứ vào những yếu tố sau đây:

1. Mục tiêu bài dạy.
2. Đặc điểm nội dung bài dạy
3. Đặc điểm, trình độ, kỹ năng và thói quen học tập của sinh viên.
4. Phương tiện hiện có
5. Đặc điểm môi trường lớp học.
6. Kinh nghiệm đã có của bản thân giảng viên.

Sử dụng thành công phương pháp dạy học chính là sự thể hiện trình độ khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật sư phạm của giảng viên. Nghệ thuật sư phạm là sự vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện thực tế để đạt được kết quả cao nhất.

Thực hiện quan điểm dạy học hiện đại “lấy sinh viên làm trung tâm” phải sử dụng “phương pháp dạy học tích cực”. Toàn bộ quá trình dạy học phải hướng vào người học, phương pháp dạy học phải dựa trên đặc điểm của người học, để khai thác tối đa tiềm năng trí tuệ, tính tích cực và sáng tạo của sinh viên và tập thể sinh viên với mục tiêu là làm phát triển tối đa năng lực của người học.

5. XU HƯỚNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Trong xu thế phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại, nền kinh tế phát triển rất nhanh, phương thức sản xuất đã được hiện đại hoá, máy tính điện tử trở thành trung tâm của hệ điều hành sản xuất. Nhu cầu nhân lực xã hội ngày càng tăng nhanh không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng. Người lao động hiện đại phải có trình độ cao, kiến thức rộng, kỹ năng tay nghề vững vàng.

Để đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực, giáo dục đại học phải tập trung vào phát triển tối đa năng lực của người lao động, phương pháp dạy học cũng được đổi mới theo hướng sau đây:

1. Nâng cao tính tích cực, độc lập, sáng tạo của sinh viên. Phương pháp dạy học hiện đại hướng vào việc tổ chức và yêu cầu sinh viên tham gia các hoạt động đa dạng để rèn kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tạo thói quen học tập thường xuyên và suốt đời.

2. Khai thác tiềm năng trí tuệ của tập thể sinh viên. Phương pháp dạy học hiện đại xây dựng tập thể sinh viên thành môi trường học tập thuận lợi, trong đó sinh viên hoạt động tương tác với nhau, vừa tranh đua, vừa hợp tác qua đó giáo dục ý thức và kỹ năng lao động hợp tác đó là một mục tiêu của quá trình dạy học hiện đại.

3. Tăng cường sử dụng các thiết bị kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu sử dụng các thiết bị kỹ thuật như công cụ nhận thức, công cụ hỗ trợ cho giảng viên và sinh viên tìm kiếm, xử lý thông tin, tiến hành các thí nghiệm, thực hành để tăng hiệu quả học tập tối đa.

4. Đổi mới kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của sinh viên. Phương pháp dạy học hiện đại yêu cầu sử dụng các hình thức và kỹ thuật kiểm tra, đánh giá làm phương tiện kiểm soát quá trình dạy học, làm động lực thúc đẩy tính tích cực học tập của sinh viên.

Chương 5

HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

1. KHÁI NIỆM HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Dạy học ở trường đại học là quá trình hoạt động tương tác giữa giảng viên và sinh viên, một hoạt động có chương trình, nội dung, có phương pháp dạy học mang tính khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật và nhất thiết chúng phải được diễn ra bằng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp.

Phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học là hai khái niệm khác nhau nhưng chúng có liên quan mật thiết với nhau như hình với bóng, và từ đó có những nhà giáo đã đồng nhất chúng với nhau. Cùng với đổi mới phương pháp dạy học hiện nay ở các trường đại học hiện nay cần phải đổi mới các hình thức tổ chức dạy học.

Hình thức tổ chức dạy học là cách thức tổ chức, sắp xếp các giờ học ở trường đại học cho phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, môn học phù hợp điều kiện và môi trường lớp học, nhằm làm cho quá trình dạy học đạt được kết quả tốt nhất.

Ở trường đại học có nhiều hình thức tổ chức dạy học, mỗi hình thức được phân biệt với nhau bởi các dấu hiệu:

- + Mục tiêu bài học nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo hay ôn tập kiến thức cũ...
- + Số lượng sinh viên tham gia: cá nhân, nhóm hay tập thể...
- + Nội dung bài học: khoa học cơ bản hay khoa học nghiệp vụ, khoa học tự nhiên, xã hội, kỹ thuật hay nghệ thuật ...
- + Thời điểm tiến hành bài học: sáng, chiều, tối...
- + Không gian tiến hành bài học: trên lớp, ở nhà, trong phòng thí nghiệm, ngoài vườn trường, trên thực địa, viện bảo tàng...
- + Chương trình dạy học ta có các hình thức dạy học chính khoá, ngoại khoá.

Mỗi hình thức tổ chức dạy học có những đặc điểm riêng, có điểm mạnh, điểm yếu và chúng có thể bổ sung cho nhau, khắc phục lẫn nhau. Việc lựa chọn các hình thức tổ chức dạy học phụ thuộc vào các điều kiện chủ quan và khách quan, mục đích, nội dung bài học, kinh nghiệm sư phạm của giảng viên, điều kiện phương tiện, môi trường dạy học.

2. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC Ở ĐẠI HỌC

Ở trường đại học hiện nay đang sử dụng các hình thức tổ chức dạy học sau đây:

2.1. Bài diễn giảng

Bài diễn giảng là hình thức tổ chức dạy học theo đơn vị lớp, mỗi lớp 40-50 sinh viên cùng trình độ, cùng chuyên ngành, thời gian học tập được chia thành tiết 45-50 phút, trong đó giảng

viên giữ vai trò chủ đạo thực hiện giờ học bằng thuyết trình, giải thích, minh họa, cung cấp thông tin.

Bài diễn giảng là hình thức tổ chức dạy học tập thể, với mục đích là giúp sinh viên nắm nội dung theo chương trình đào tạo. Mỗi môn học được thực hiện một hệ thống bài diễn giảng theo một thời khoá biểu.

Để thực hiện bài diễn giảng giảng viên phải thiết kế kế hoạch bài giảng, chuẩn bị về nội dung, thiết kế chiến thuật bài giảng, dự đoán các tình huống, các khả năng có thể xảy ra trong bài giảng.

Trong bài diễn giảng giảng viên cần sử dụng nhiều phương pháp dạy học phối hợp, sử dụng các phương tiện trực quan nghe nhìn, tổ chức cho sinh viên tham gia vào bài giảng một cách tích cực nhất.

Bài diễn giảng có hiệu quả khi nội dung hấp dẫn, sinh viên tập trung chú ý huy động kiến thức, kinh nghiệm thực tế để tiếp thu, bài diễn giảng đạt hiệu quả khi được diễn ra trong môi trường giao tiếp thân thiện tin cậy giữa giảng viên và tập thể sinh viên.

2.2. Thảo luận nhóm

Thảo luận là hình thức tổ chức cho sinh viên trao đổi, tranh luận các vấn đề học tập, để tự rút ra được các kết luận theo yêu cầu của bài học.

Thảo luận là hình thức học tập trong đó mỗi cá nhân bằng kiến thức, kinh nghiệm và bằng trí thông minh, sự sáng tạo đóng góp vào kết quả học tập chung.

Trong thảo luận sinh viên thường có những quan điểm khác nhau, tạo nên những tranh luận rất bổ ích, mỗi người có một ý kiến riêng nhưng cùng nhau phối hợp để tìm ra kết luận chung, cho nên các vấn đề nắm bắt được sẽ trở nên sâu sắc, lớp học sôi nổi, từ đó hình thành thói quen mạnh dạn, tự tin trong học tập tập thể.

Giờ thảo luận có thể tiến hành theo nhóm hay cả lớp. Để tổ chức buổi thảo luận, giảng viên cần chuẩn bị kỹ nội dung, cách tiến hành, sinh viên phải đọc kỹ các tài liệu có liên quan để chuẩn bị các ý kiến thảo luận. Giảng viên khéo léo dẫn dắt sinh viên tranh luận và cuối cùng phải tổng kết kiến thức, khắc sâu các vấn đề đã thảo luận.

Hình thức thảo luận có thể thực hiện trong bài bài học mới, bài ôn tập, thực hành, sau buổi tham quan... (xem lại chương 10)

2.3. Hội thảo

Hội thảo là hình thức tổ chức dạy học trong đó sinh viên đóng vai trò là nhà nghiên cứu chủ động trình bày, trao đổi với các thành viên khác nhằm cùng nhau làm sáng tỏ các vấn đề khoa học, nghề nghiệp và thực tế cuộc sống xã hội.

Ở trường đại học có các loại hội thảo:

- Hội thảo theo giáo trình.
- Hội thảo theo từng chuyên đề khoa học.
- Hội thảo theo chương trình tự chọn.

Mục đích hội thảo là giúp sinh viên:

- Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, thói quen đọc sách.
- Đào sâu, mở rộng tri thức, cụ thể hoá, hệ thống hoá các nội khoa học theo chương trình đào tạo.

- Rèn kỹ năng đọc sách, nghiên cứu tài liệu, phân tích thông tin, trình bày thông tin bằng văn bản, bằng lời trước tập thể sinh viên.

- Rèn kỹ năng tranh luận, phê phán, bảo vệ quan điểm, hợp tác, xây dựng, thống nhất những hiểu biết chung.

- Phát triển trong cách tư duy khoa học và kỹ năng giải quyết vấn đề theo quan điểm cá nhân.

- Rèn luyện thói quen giao tiếp, làm việc tập thể, hình thành các phẩm chất của nhà khoa học.

Để tổ chức hội thảo thành công giảng viên:

- Phải có chương trình và kế hoạch từ đầu năm cho các môn học theo một lịch trình.

- Phân công cho sinh viên chuẩn bị các chủ đề.
- Hướng dẫn sinh viên tìm sách, đọc sách và chuẩn bị văn bản.
- Hướng dẫn hội thảo theo chủ đề.
- Tổ chức cho sinh viên tranh luận theo kế hoạch và đúng mục đích đề ra.
- Thâu tóm kết quả thảo luận và giảng viên phải đưa ra ý kiến khẳng định chính thức những luận điểm khoa học.

2.4. Giờ học thí nghiệm

Giờ học thí nghiệm là hình thức tổ chức dạy học đưa sinh viên vào phòng thí nghiệm, vườn thí nghiệm để tiến hành các thí nghiệm khoa học, thực hành các kỹ năng nghiên cứu nhằm nắm vững lý thuyết.

Trong chương trình các môn khoa học tự nhiên và công nghệ có một số nội dung cần tổ chức cho sinh viên làm các thí nghiệm, thực hành. Đây là hình thức tổ chức dạy học quan trọng giúp sinh viên làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học, nhằm chứng minh hay khắc sâu các lý thuyết đã học.

Để giờ học thí nghiệm, thực hành thành công, với sự giúp đỡ của nhân viên thí nghiệm, giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm, vật tư thực hành cần thiết, sau khi hướng dẫn quy trình và chế độ an toàn, giảng viên tổ chức, hướng dẫn và giám sát sinh viên thực hiện để rút ra các kết luận khoa học.

2.5. Tự học

Tự học là hình thức tổ chức cho sinh viên học tập trong hoặc ngoài giờ lên lớp theo phương pháp tự nghiên cứu, bằng nỗ lực của cá nhân, mà không có giảng viên trực tiếp hướng dẫn.

Tự học có vai trò cực kì quan trọng, thực tế cho thấy chất lượng học tập được quyết định bởi ý thức và phương pháp tự học của từng sinh viên. Khi cả lớp được cùng học một thầy, nhưng kết quả học tập của mỗi người lại rất khác nhau đó chính là do ý thức và phương pháp học tập của mỗi người.

Tự học có kế hoạch, có nề nếp sẽ tạo nên thói quen và phong cách làm việc lâu dài của từng cá nhân. Tự học giúp cho con người khả năng định hướng trong thời đại thông tin. Tự học trang bị cho sinh viên phương pháp, kỹ năng tự hoàn thiện mình trong suốt cuộc đời.

Nội dung công việc tự học của sinh viên đại học là ôn tập, chuẩn bị bài, làm các bài tập, thí nghiệm, thực hành, đọc sách tham khảo mở rộng kiến thức, chuẩn bị thảo luận, hội thảo, ôn tập chuẩn bị cho các kỳ thi... Sinh viên tự học tốt sẽ giúp cho các giờ học trên lớp thuận lợi và chất lượng học tập toàn khóa học sẽ được đảm bảo.

Để tự học tốt cần có hai yếu tố chủ quan và khách quan. Mặt chủ quan đó là hứng thú, kiên trì, tập trung tâm trí, có phương pháp học tập tốt, có trạng thái sức khỏe và tâm lý thoải mái, không bị chi phối, phân tán. Mặt khách quan là cần có đủ tài liệu, giáo trình, sách tham khảo, có đồ dùng, phương tiện học tập, có máy tính nối mạng, cần có phòng học sáng sủa, mát mẻ, bàn ghế thuận lợi... gia đình, nhà trường cần quan tâm các điều kiện tự học của sinh viên.

Tự học là hoạt động học tập độc lập của sinh viên ngoài giờ lên lớp, tự học là khâu then chốt, quyết định chất lượng học tập của mỗi sinh viên.

Mục đích tự học là phát triển kỹ năng hoạt động độc lập theo hướng nghiên cứu khoa học, tiếp cận với trào lưu tiên bộ khoa học và công nghệ trong nước và thế giới và đồng thời đảm bảo chất lượng quá trình học tập của bản thân sinh viên.

Nội dung tự học:

- Hoàn thiện bài trên lớp.
- Chuẩn bị bài tiếp theo.
- Mở rộng và đào tạo sâu kiến thức bằng các nguồn thông tin khác nhau.
- Tập dượt để hình thành kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Cần tổ chức cho sinh viên tận dụng hết thời gian dành cho tự học, tự học một cách tích cực và có phương pháp sáng tạo nhất.

2.6. Phụ đạo

Phụ đạo là hình thức tổ chức dạy học cho từng sinh viên, hoặc một nhóm sinh viên với giúp đỡ trực tiếp của giảng viên ngoài giờ lên lớp.

Phụ đạo thường được tổ chức hai loại đối tượng là sinh viên kém và sinh viên giỏi, phụ đạo đồng nghĩa với hình thức tổ chức dạy học cá biệt.

Mục tiêu phụ đạo rất đa dạng: có thể là để giúp sinh viên củng cố, hoàn thiện kiến thức, đào sâu, mở rộng, nâng cao kiến thức, luyện tập hình thành kỹ năng, kỹ xảo, chuẩn bị các kỳ thi, chuẩn bị báo cáo hội thảo...

Phụ đạo còn giúp cho sinh viên giỏi học tập tốt hơn, đạt được những thành tích rất xuất sắc trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế...

Phụ đạo là việc làm có tổ chức, có kế hoạch theo chương trình giảng dạy của nhà trường, dựa trên yêu cầu thực tế của sinh viên, không kèm theo lợi nhuận đó là việc làm trong sáng. Cần có một đội ngũ nhà giáo giỏi, tâm huyết, “vì SV thân yêu”.

Dạy học phụ đạo cần lưu ý đến đặc điểm, trình độ học lực của sinh viên, chú ý đến những điểm mạnh, điểm yếu của mỗi cá nhân, mỗi nhóm sinh viên để giúp họ tìm ra phương pháp học tập tốt nhất.

2.7. Thực tập nghề nghiệp

Trường đại học là trường dạy nghề bậc cao, vì vậy một trong những hình thức tổ chức dạy học, đồng thời là một khâu trong quá trình đào tạo là tổ chức cho sinh viên tham gia vào quá trình rèn luyện nghiệp vụ thông qua thực tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các cơ quan văn hóa xã hội.

Thực tập được xây dựng theo chương trình, có mục tiêu cho từng đợt, có nội dung và cần được tổ chức một cách khoa học, nghiêm túc.

Thực tập có thể tổ chức theo từng đợt, từng năm nâng dần tính phức tạp về chuyên môn và cần có thời gian hợp lý.

Thực tập cần chọn địa điểm thuận lợi, có đủ cán bộ hướng dẫn và an toàn.

Thực tập là một hình thức tổ chức dạy học phải được đánh giá đúng mức tầm quan trọng nên cần được tổ chức chu đáo, cần có cán bộ hướng dẫn có kinh nghiệm, cần tổng kết, đánh giá khách quan.

Thực tập là một điều kiện để sinh viên được công nhận tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên gia lành nghề.

2.8. Nghiên cứu khoa học

Tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học là hình thức tổ chức dạy học quan trọng ở các trường đại học góp phần đem lại kết quả đào tạo tốt và nó hỗ trợ, thúc đẩy các hình thức tổ chức dạy học khác thực hiện có hiệu quả.

Mục đích tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học là:

- Giúp sinh viên tập dượt nghiên cứu mang lại thông tin mới, kiến thức mới cho bản thân.
- Giúp sinh viên tập rèn luyện kỹ năng hoạt động sáng tạo.

Nghiên cứu khoa học thực chất là một hình thức học tập cho sinh viên nghiên cứu khoa học cần rèn luyện cả 3 mặt:

- Tâm lý sẵn sàng bước vào khoa học, thể hiện sự hứng thú, quyết tâm, xu hướng khoa học.
- Lí luận khoa học là chuẩn bị cho sinh viên kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Kỹ năng thực tế là tập dượt, bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu KH cho mỗi SV.

Ở đại học phải sử dụng tất cả mọi hình thức tổ chức dạy học vào mục tiêu đào tạo về mặt khoa học. Tận dụng mọi thế mạnh của diễn giảng, tự học, hội thảo, thực tập để bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu khoa học.

Tập dượt cho sinh viên nghiên cứu khoa học cần tăng dần tính phức tạp từ bài tập nhỏ đến bài tập lớn, niên luận, luận văn, ...

Cần tổ chức các kì thi Olympic khoa học với các giải thưởng khoa học trong phạm vi một khoa, một trường, liên trường và cả nước.

Khuyến khích người có thành tích cao bằng chuyển tiếp cao học, nghiên cứu sinh.

Ở đại học phải phối hợp đầy đủ các hình thức dạy học mới đem lại kết quả đào tạo cao.

2.9. Tham quan

Tham quan là hình thức tổ chức cho sinh viên đi các địa phương, các cơ sở sản xuất, văn hóa, khoa học... trực tiếp quan sát thu thập thông tin phục vụ cho học tập các môn khoa học cơ bản và nghiệp vụ.

Tham quan là hình thức hấp dẫn, tạo hứng thú và có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Tham quan được tổ chức theo yêu cầu của chương trình các môn học. Địa điểm tham quan thường là các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, các viện bảo tàng, nhà triển lãm, cung văn hoá, vườn thú, đồng quê, bãi biển, núi rừng ...

Để các cuộc tham quan đạt được kết quả tốt nhà trường cần có kế hoạch về các chủ đề tham quan, mục tiêu, nội dung, địa điểm, phương tiện đi lại và cần người hướng dẫn chuyên nghiệp...

Cuối buổi tham quan cần được thu hoạch tổng kết, rút ra các thông tin cần cho các môn học.

2.10. Hội thi

Hội thi là hình thức tổ chức dạy học nhằm thu hút sinh viên vào hoạt động học tập vừa có tính chất hội vừa có tính chất thi, tạo nên hứng thú học tập, nhằm bổ sung kiến thức cho các môn học.

Hiện nay ở các trường đại học đang phát triển hình thức tổ chức dạy học rất có ý nghĩa này, với các nội dung đa dạng, để phục vụ cho mục tiêu của quá trình dạy học, thí dụ thi Olympic các môn khoa học tự nhiên, xã hội, nghiệp vụ, giáo dục công dân, pháp luật...

Để tiến hành tốt các cuộc hội thi ngay từ đầu năm nhà trường, các tổ chuyên môn, giảng viên bộ môn lên một kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết cho từng môn, ấn định thời gian, phân công chuẩn bị về nội dung và các điều kiện vật chất.

Hội thi được tổ chức long trọng, nội dung thiết thực và giải thưởng hấp dẫn thu hút được nhiều sinh viên tự nguyện tham gia sẽ đem lại hiệu quả giáo dục rất lớn.

Tóm lại, hình thức tổ chức dạy học là cách thức tổ chức các giờ dạy linh hoạt cho phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình giảng dạy. Các hình thức tổ chức dạy học rất đa dạng, mỗi hình thức có những ưu nhược điểm riêng, có những yêu cầu tổ chức riêng. Giảng viên biết lựa chọn, sử dụng phối hợp với các hình thức tổ chức dạy học một cách hợp lí để đạt được kết quả tốt nhất, đó cũng chính là nghệ thuật sư phạm.